

SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN

Tổ: Ngữ văn

GV: Nguyễn Thị Nên

Thời gian thực hiện: Tuần 15 đến tuần 18

Lớp dạy: 12/4

BÀI 5

TIẾNG CƯỜI CỦA HÀI KỊCH

Thời gian thực hiện: 07 tiết

(Đọc: 04 tiết, Viết: 1 tiết, Nói và nghe: 02 tiết)

ÔN TẬP ,KIỂM TRA, TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ (4Tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng.
- Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc, người xem và tiến bộ xã hội.

2. Về năng lực:

- Viết được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh họa, có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo.
- Biết trình bày kết quả nghiên cứu (dưới hình thức thuyết trình) về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

3. Về phẩm chất: Biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội; biết sống có khát vọng, vui tươi, chân thực, tự nhiên.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 44,45 - VĂN BẢN 1

NHÂN VẬT QUAN TRỌNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng... qua văn bản *Nhân vật quan trọng*.
- Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc, người xem và tiến bộ xã hội.

2. Về năng lực: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học về văn bản *Nhân vật quan trọng* để đọc hiểu hài kịch và thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

3. Về phẩm chất: Biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội; biết sống có khát vọng, vui tươi, chân thực, tự nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- SGK, SGV Ngữ văn 12.
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp, phiếu giao nhiệm vụ cho học sinh làm ở nhà.

2. Học liệu:

- SGK, SBT Ngữ văn 12.
- Sách tham khảo, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV cho học sinh xem trích đoạn “Ông giuốc-đanh mặc lễ phục” trong vở hài kịch “Trưởng giả học làm sang” https://www.youtube.com/watch?v=VHJa8Zx_pkE GV nêu câu hỏi: Sau khi xem xong trích đoạn trên em có nhận xét gì? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về hài kịch. B2. Thực hiện nhiệm vụ: GV yêu cầu hs thảo luận theo cặp thực hiện nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận: - Hs chia sẻ, lớp theo dõi, nhận xét và đưa ra ý kiến - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn, gợi mở B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV chốt kiến thức, dẫn vào bài mới.	Gợi ý: Hài kịch là một thể loại kịch, dùng tiếng cười để chế giễu những thói tật, hiện tượng đáng phê phán (vụ lợi, kịch cớm, cực đoan, lạc hậu, ảo tưởng,...) vốn đi chệch các chuẩn mực tốt đẹp của con người và cộng đồng. - Tiếng cười hài kịch cất lên từ sự vênh lệch, không tương thích giữa mục đích và phương tiện thực hiện, bản chất và biểu hiện, hành động và hoàn cảnh, tham vọng cá nhân và các khả năng thực hiện,... - Hài kịch có thể được triển khai theo các hướng khác nhau: bông đùa, hài hước, châm biếm, mỉa mai, tố cáo, đả kích,... - Bằng tiếng cười, hài kịch muốn làm thay đổi cách nhìn của người đọc, người xem về một hiện tượng xã hội nào đó, khẳng định lối sống lành mạnh, lạc quan, hợp với lẽ phải và tiến bộ xã hội. Hài kịch đưa ra một kết cục có hậu, vui vẻ đối với người đọc, người xem.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu: HS tóm tắt được và nắm vững những thông tin then chốt nhất trong phần Tri thức ngữ văn.

b. Nội dung:

- Đọc nội dung phần Tri thức ngữ văn, gạch chân các từ khóa, tìm hiểu thông tin

- Thảo luận, trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập

c. Sản phẩm: Phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm		
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh tìm hiểu tri thức ngữ văn về nhân vật, tình huống, xung đột, hành động, kết cấu. Học sinh nêu được kiến thức về thủ pháp trào phúng và ngôn từ trong hài kịch Hoàn thành phiếu học tập số 1 (làm việc cá nhân) B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh vận dụng tri thức ngữ văn, thực hiện nhiệm vụ	Khái niệm: Hài kịch là một thể loại kịch, dùng tiếng cười để chế giễu những thói tật, hiện tượng đáng phê phán (vụ lợi, kịch cớm, cực đoan, lạc hậu, ảo tưởng,...) vốn đi chệch các chuẩn mực tốt đẹp của con người và cộng đồng. Đặc điểm của hài kịch <table><tr><td>Nhân vật</td><td>Nhân vật chính: - Thường có tính cách nhất quán, được xây dựng theo lối cường điệu thói tật đáng cười, đáng phê phán hoặc thường xuyên làm lẩn, có cách ứng xử không phù hợp với hoàn</td></tr></table>	Nhân vật	Nhân vật chính: - Thường có tính cách nhất quán, được xây dựng theo lối cường điệu thói tật đáng cười, đáng phê phán hoặc thường xuyên làm lẩn, có cách ứng xử không phù hợp với hoàn
Nhân vật	Nhân vật chính: - Thường có tính cách nhất quán, được xây dựng theo lối cường điệu thói tật đáng cười, đáng phê phán hoặc thường xuyên làm lẩn, có cách ứng xử không phù hợp với hoàn		

B3. Báo cáo thảo luận Học sinh chia sẻ kiến thức đã biết, nhận xét câu trả lời của bạn B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt lại những thông tin quan trọng trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i> làm nền tảng đọc hiểu văn bản		cảnh thực tế - Hiếm khi là kẻ cùng hung cực ác; mà phổ biến hơn là người có khiếm khuyết, sai lầm cần khắc phục.
		Nhân vật phụ: - Pha trò châm chích giễu nhại; hài hước tạo không khí suồng sã, vui vẻ - Đại diện cho một lực lượng đối kháng sáng suốt, tiến bộ
	Tình huống	- Tình huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thể sự với những ảo tưởng toan tính đời thường, làm nổi bật những thói tật đáng cười của con người - Có thể là những tình huống hiểu lầm trớ trêu, dở khóc dở cười; song không bi đát và luôn có thể giải quyết tốt đẹp.
	Xung đột	- Xung đột được xây dựng trên cơ sở mâu thuẫn giữa những tham vọng, toan tính vật chất, mưu kế tầm thường, bất chấp đạo đức lẽ phải...(phần nhiều kẻ ảo tưởng) với những chuẩn mực và tiến bộ xã hội
	Hành động	- Chủ yếu là những hành động bên ngoài, những toan tính, ảo tưởng của nhân vật được bộc lộ hết ra lời chứ không phải là những trăn trở nội tâm - Hành động tô đậm nét tính cách chủ đạo của nhân vật hay tính chất cực đoan của những toan tính, ảo tưởng. Diễn biến hành động qua mỗi hồi kịch thường mở ra các bình diện khác nhau của cái đáng cười hơn là thúc đẩy xung đột đi tới hồi kết
	Kết cấu	Hài kịch được tổ chức trên cơ sở một hành động kịch nhất quán: - Mở đầu: giới thiệu nhân vật với những thói tật và những toan tính, ảo tưởng - Thắt nút: Đưa nhân vật vào tình huống khó xử - Triển khai: phát triển xung đột - Đỉnh điểm: Toan tính, ảo tưởng tưởng chừng thắng thế. - Kết thúc: Giải quyết xung đột bằng một mưu mẹo, hay một yếu tố ngẫu nhiên bất ngờ, dẫn đến sự sụp đổ của những toan tính ảo tưởng làm bật lên tiếng cười.
	Thủ pháp trào phúng	- Hài kịch thường sử dụng những thủ pháp trào phúng như: Tạo tình huống hiểu lầm hài hước, trớ trêu; phóng đại cử chỉ, điệu bộ, thói tật; Tạo tương phản gây cười,(hoán đổi các cảnh, các vị trí nhân vật, đồ vật một cách nghịch lí, cải trang lộ liễu, đột ngột,

		biến dạng, mất cân xứng...)	
	Ngôn từ trong hài kịch	- Ngôn từ trong hài kịch: từ chỉ dẫn sân khấu, cách gọi tên nhân vật đến đối thoại, độc thoại...sử dụng rất nhiều biện pháp tang cường tính trào phúng: cường điệu, lặp, nhại, chơi chữ, nói bóng nói quá... - Đối thoại trong hài kịch có khi được tổ chức theo kiểu đối chọi chan chat, ăn miếng trả miếng trong tình huống các nhân vật tỏ cáo lẫn nhau, có khi được triển khai xoay quanh tình huống ông nói gà bà nói vịt thể hiện sự lệch kênh về ý thức; cũng có khi đột ngột bỏ lửng lời thoại, khiến người đọc, người xem bật cười.	

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: NHÂN VẬT QUAN TRỌNG

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS nắm được những nét khái quát về cuộc đời, sự nghiệp của tác giả.
- Thấy được những tác động của cuộc đời, thời đại đến sáng tác của Ni-cô-lai Gô gôn.
- Tóm tắt được vở hài kịch.

b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ được giao: sưu tầm tư liệu về tác giả và tác phẩm, thuyết minh sáng tạo về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm

- Các tài liệu HS sưu tầm
- Câu trả lời; chốt kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: - Đọc, phân tích thông tin qua phần giới thiệu khái quát về tác giả Ni-cô-lai Gô gôn. - Qua tìm hiểu, sưu tầm các tài liệu về Ni-cô-lai Gô gôn, hãy khái quát một số thông tin cơ bản về tác giả. - Thuyết minh sáng tạo về tác phẩm B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân - Cung cấp các tài liệu thu được và tự đánh giá - Thuyết minh sáng tạo về tác giả, tác phẩm B3: Báo cáo thảo luận - HS báo cáo kết quả, thuyết minh sáng tạo	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Ni-cô-lai Gô gôn (1809-1852) là nhà văn, nhà soạn kịch nổi tiếng của văn học Nga nửa đầu thế kỷ XIX. - Năm 1828 Gô gôn từng làm trợ lý cho vụ bắt động sản hoàng gia ở Pê-téc-bua một thời gian, hiểu rõ bộ máy công chức thủ đô. -> Ông là một trong những người đặt nền móng phát triển cho sân khấu kịch ở nước Nga và châu Âu hiện đại đầu thế kỷ XIX. b. Đặc điểm sáng tác - Phần nhiều những tác phẩm hiện thực của Gô – gôn thể hiện con mê sảng của thực tại với những hình tượng con người bị đồ vật hóa, thảm hại, trống rỗng, tồn tại như những bóng ma và luôn ám ảnh về sự báo ứng. - Giọng văn trào phúng vừa hài hước, vừa xót xa, vừa đau đáu niềm hi vọng vào một thực tại khác xứng đáng hơn với cuộc sống con người. 2. Hài kịch “Quan thanh tra” a. Hoàn cảnh sáng tác - “Quan thanh tra” là vở hài kịch gồm 5 hồi, sáng tác trên

- Thảo luận, phản biện chéo B4: Kết luận, nhận định - GV kết luận - Nhận xét, đánh giá HS * Nhiệm vụ 2: B1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc phần tóm tắt vở hài kịch, nêu vị trí, bố cục, của đoạn trích. B2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh thực hiện nhiệm vụ - Hoàn thiện câu trả lời B3: Báo cáo thảo luận - HS báo cáo kết quả - Thảo luận, bổ sung, đánh giá B4: Kết luận, nhận định - GV kết luận, chốt kiến thức - Nhận xét, khuyến khích hs tích cực	cơ sở một giai thoại do Pu-skin gợi ý - Được viết năm 1835 và xuất bản năm 1836 b. Tóm tắt vở hài kịch - Vở kịch bắt đầu từ thông tin quan thanh tra ở thủ đô Peterburg sẽ đóng giả thường dân về thị sát một thị trấn nhỏ miền nam nước Nga. - Nhận nhầm một gã công chức nhỏ lang thang đến nghỉ lại ở đây là quan thanh tra -Bọn quan chức ở đây lo sợ, tìm cách mua chuộc, hối lộ cho quan lớn, đồng thời nhân dịp này tố cáo, nói xấu nhau để tăng công với quan thanh tra. - Tất cả phơi bày khi quan thanh tra thật xuất hiện.... 3. Đoạn trích “Nhân vật quan trọng” a. Vị trí Thuộc lớp VI, hồi III của hài kịch Quan thanh tra. b. Bố cục: Nương theo lời thoại của nhân vật - Khơ-lét-xta-cốp kẻ bề trên xác lập vị thế xã giao - Khoác lác về vị thế của mình trên cơ sở đảo ngược thân phận - Khoác lác về cuộc sống xa hoa dựa trên những điều nghe lỏm được- Say sưa thả mình vào vai sắm tướng tưng và cuộc đời “đáng sống” hằng mong
--	--

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,... qua văn bản *Nhân vật quan trọng*.

b. Nội dung:

- HS đọc văn bản và tìm thông tin.
- GV hướng dẫn HS khám phá văn bản thông qua hệ thống câu hỏi và phiếu học tập
- Tập trung làm rõ các vấn đề như bối cảnh, tình huống và hành động kịch – Nhân vật –Xung đột và kết cấu – Thủ pháp trào phúng và ngôn từ.

c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập của HS khi đọc văn bản.
- Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức HS đọc phân vai theo các nhân vật trong trích đoạn B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc nối tiếp văn bản, thực hiện các nhiệm vụ sau khi đọc. B3: Báo cáo, thảo luận - HS căn cứ vào phiếu học tập số 2 đã được giao về nhà để thực hiện nội dung yêu cầu	II. Khám phá văn bản 1. Bối cảnh, tình huống và hành động kịch a. Bối cảnh -Tin đồn về quan thanh tra: Thị trưởng và các quan lo sợ vì những hành vi tham nhũng của mình sẽ bị phanh phui. -Tình cờ Khơ-lét-xta-cốp - một viên chức quèn đến thị trấn nhỏ để nghỉ ngơi bị nhận nhầm là quan thanh tra. Lớp kịch diễn ra tại phòng khách nhà thị trưởng. b. Tình huống trào phúng Nhận nhầm quan thanh tra. =>Tình huống hài hước, trớ trêu, thể hiện sinh động, sâu sắc tính cách nhân vật và chủ đề tư tưởng. c. Hành động kịch

B4: Kết luận, nhận định

GV chốt nội dung chính của bối cảnh, tình huống và hành động kịch.

Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản**Tìm hiểu nhân vật Khor-lét-xta-cốp****B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Thảo luận nhóm theo Phiếu học tập 3

- Thời gian: 10'

- Sản phẩm: phiếu học tập

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- Yêu cầu: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 3

- Thời gian: 10 phút

B3: Báo cáo thảo luận

- Chia sẻ cảm nhận về nhân vật

B4: Kết luận, nhận định

- GV chốt kiến thức

- Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt

- Rút kinh nghiệm

+ Nhân vật Khor-lét-xta-cốp: Được nhận nhầm là quan thanh tra, đón nhận sự cung phụng như một lễ tự nhiên, say sưa khoác lác tới mức lầm tưởng mình chính là nhân vật quan trọng, ăn hối lộ, công khai tán tỉnh vợ, con gái thị trưởng, hứa hôn với con gái thị trưởng.

+ Quan chức địa phương: Nhận nhầm Khor-lét-xta-cốp là quan thanh tra, cung phụng anh ta, lợi dụng cơ hội cầu thân, ra oai với kẻ dưới trong ảo vọng thay đổi danh vị.

+ Tầng lớp trưởng giả (vợ và con gái thị trưởng): Nhận nhầm Khor-lét-xta-cốp là nhân vật quyền thế, sang trọng; đóng đưa cầu thân để làm sang.

=> Từ mâu thuẫn giữa danh vị xã hội của các nhân vật với thực chất cuộc sống tẻ nhạt, trống rỗng của họ, từ nỗi lo sợ bị lật tẩy dẫn họ đến sự lầm lẫn.

=> Cách ứng xử, hành động của các nhân vật chuyển hoá dần từ chỗ ứng phó, che đậy thực chất sang trạng thái say sưa trong ảo vọng, để cuối cùng vỡ mộng trong nỗi lo sợ khi quan thanh tra thật xuất hiện.

2. Nhân vật Khor-lét-xta-cốp**a. Hoàn cảnh thực tế**

- Khor-lét-xta-cốp vốn là nhân viên thư kí quèn, “*đoảng vị, không được việc gì*” tại văn phòng của một vụ ở Pê-téc-bua, ham bài bạc. Anh ta từng phải rời khỏi thủ đô về tỉnh lẻ, từng phải sống chui lủi để trốn tiền trợ, từng lê la với đám “*đào hát*” và từng xem “*ca kịch vui*” bình dân.

-> Hoàn cảnh này khiến anh ta biết nhiều đào hát lắm, có biết bập bõm vài tên nhà báo, nhà văn dù lẫn lộn các tác phẩm thuộc các thể loại khác nhau với tên các tờ báo, tạp chí.

b. Ảo tưởng về “cuộc sống thượng lưu”

- Thể hiện qua lời thoại, cử chỉ, hành động:

+ Khoe khoang về chiến công: Chém chết mười tám tên Thổ Nhĩ Kỳ ; Đánh nhau với gấu

+ Khoe khoang về tiền bạc: Có nhiều tiền

+ Khoe khoang về quan hệ: có nhiều bạn bè; Có quan hệ với quan chức

=> Lời khoác lác của Khor-lét-xta-cốp đã vô tình bộc lộ thân phận thật của mình: một viên chức quèn nghèo khổ, thiếu tự tin và khao khát được thăng bốc, được công nhận đồng thời cũng thể hiện sự bất mãn của Khor-lét-xta-cốp với thực trạng xã hội Nga hoàng.

+ Khoe khoang kiến thức văn chương: Nhắc đến tên các tác giả, tác phẩm nổi tiếng, và bình luận về chúng một cách tự tin; Thường xuyên hiểu sai về văn chương; hay gán ghép những ý nghĩa sai lầm cho các tác phẩm, và đưa ra những bình luận phi thực tế ; Sử dụng văn chương để khoe mẽ: thường xuyên trích dẫn những câu thơ, câu văn để thể hiện sự hiểu biết của mình.

-> Khor-lét-xta-cốp là một người ngu dốt, khoác loác, kiến thức văn chương rất hạn hẹp. Làm nổi bật sự lố bịch và thiếu tự nhiên của nhân vật

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu các nhân vật tầng lớp quan chức

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Thảo luận nhóm theo Phiếu học tập 4

- Thời gian: 5’

- Sản phẩm: phiếu học tập

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- Yêu cầu: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu.

B3: Báo cáo thảo luận

- HS trình bày

- Phản biện và trao đổi

B4: Kết luận, nhận định

- GV chốt kiến thức nêu thêm một số dẫn chứng mở rộng đoạn cuối của vở kịch quan thanh tra Khơ-lét-xta-cốp viết thư cho bạn và nhận xét về quan lại thị trấn như sau:

+Thị trưởng “ ngu như một con ngựa thiện lông xám”

+ Chủ sự bưu vụ “*giống thằng Mi-khê-ép... chắc cũng chè rượu và bản tiện như thế*”

+ Ác-tê-mi-phi-líp-pô-vích : “*Thằng viện trưởng viện té bản là một con lợn chính cống đội mũ nòi*”

+ Lu-ca lu-kích : “ *Thằng kiểm học, người sắc mùi hành*” - An-môt phi-ô-do-rô-vích : “*Thằng chánh án...thật hết sức mô- ve –tông*”.

- Nhận xét và cho điểm

- Thái độ sống:

+ Khinh bỉ cuộc sống ở tỉnh lẻ, cuộc sống ở tầng lớp dưới của chính mình và cả “dân đen ngu dốt, tối tăm”;

+ Khát khao danh lợi, khát khao cuộc sống xa hoa của những nhân vật tai to mặt lớn

=> Tham lam, háms danh, ảo tưởng về cuộc sống xa hoa của giới thượng lưu.

3. Tầng lớp quan chức

a. Bản chất:

- Công khai hà hiếp dân chúng, nhận hối lộ, bê trễ công việc, dò xét, đe dọa lẫn nhau...; ăn chơi, trống rỗng “Đốt đuốc giữa ban ngày” cũng không thấy có việc gì trong thị trấn có thể coi là tử tế”;...

> Thị trưởng và đám quan chức thị trấn đã hoàn thành bức tranh thu nhỏ về chế độ chuyên chế cực đoạn của xã hội Nga đương thời dưới sự cai trị của Nga Hoàng.

b. Thái độ trước sự khoác lác của Khơ-lét-xta-cốp

- Nhận làm Khơ-lét-xta-cốp là quan thanh tra, cho nên cung phụng anh ta, đưa hối lộ, lợi dụng cơ hội cầu thân, tiến thân và hạn chế không cho tiếp xúc với những người bị ức hiếp.

- Vênh vang, ra oai với kẻ dưới trong ảo vọng thay đổi danh vị.

-> Luôn cúi, khúm núm, sợ sệt. mù quáng tin tưởng, thiếu hiểu biết trước sự khoác lác của Khơ-lét-xta-cốp

c. Kết quả của việc nhận nhằm quan thanh tra

- Thị trưởng vỡ mộng; quan lại tự châm biếm lẫn nhau.

- Lo lắng sợ hãi tội độ khi nhận được tin báo: “Quan thanh tra đích thực vừa mới đến thành phố, yêu cầu tất cả tới trình diện”

=>”Lời tuyên bố “như sét đánh” làm cho tất cả kinh hoàng, đờ ra như hóa đá”, đẩy đám quan chức thị trấn vào tấn bi hài: tiền mất tật mang.

d. Nghệ thuật xây dựng chân dung trào phúng

- Nghệ thuật phóng đại, cường điệu; tương phản đối lập.

- Ngôn ngữ ngoa dụ, mang tính chất mỉa mai, châm biếm.

4. Nhân vật An-na An-đrê-ép-na và Ma-ri-a An-tô-nốp-na – vợ và con gái thị trưởng

a. Thực chất

Vợ (An-na An-đrê-ép-na) và con gái (Ma-ri-a An-tô-nốp-na) thị trưởng là những kẻ đầu óc rỗng tuếch, đài các rỗng, chỉ biết đua đòi học làm sang và hãnh tiến,....

b. Thái độ trước sự khoác lác của Khơ-lét-xta-cốp

- Nhận làm Khơ-lét-xta-cốp là nhân vật quyền thế, sang trọng, đông đưa cầu thân để làm sang.

- Ngõngàng vỡ mộng được kết thân với người quyền thế để làm sang, bước vào giới thượng lưu ở thủ đô.

-> Nhận xét về nhân vật hài kịch trong Nhân vật quan trọng: nhân vật thường xuyên làm lẫn, có cách ứng xử không phù hợp với hoàn cảnh thực tế, có tính cách nhất

khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt - Rút kinh nghiệm Tìm hiểu các nhân vật An-na An-đrê-ép-na và Ma-ri-a An-tô-nốp-na – vợ và con gái thị trưởng B1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên dẫn dắt theo nội dung từng phần: Mở đầu, thắt nút, triển khai, đỉnh điểm và kết thúc sau đó yêu cầu học sinh tìm ra xung đột trong vở hài kịch - Thảo luận nhóm theo Phiếu học tập 6 - Thời gian: 5’ - Sản phẩm: phiếu học tập B2: Thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu: Học sinh thảo luận và hoàn thành theo yêu cầu B3: Báo cáo thảo luận - HS trình bày - Phản biện và trao đổi B4: Kết luận, nhận định - GV chốt kiến thức - Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt - Rút kinh nghiệm	quán, được xây dựng theo lối cường điệu, tô đậm nét đáng cười, chứ không được khai thác qua toàn bộ tiểu sử. c. Thái độ của hai mẹ con với nhau - Sẵn sàng tố cáo, lật tẩy nhau khi có cơ hội => Các nhân vật tự tố cáo, “vạch áo cho người xem lưng” để bộc lộ bản chất thực của mình và tạo ra tiếng cười châm biếm, đả kích sâu cay. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Thủ pháp trào phúng tạo tình huống hiểu lầm (nhận làm Khơ-lét-xta-cốp là quan thanh tra, là “cụ lớn”, nhà văn). - Phóng đại cử chỉ, điệu bộ, thói tật (phóng đại cử chỉ, điệu bộ xã giao, thể hiện nỗi khiếp sợ thái quá, phóng đại cơn cao hứng khoác lác của Khơ-lét-xta-cốp). - Tạo tương phản gây cười (lời khoác lác về cuộc sống thượng lưu cùng vị thế quan trọng của Khơ-lét-xta-cốp tương phản gay gắt với thân phận thực tế của nhân vật,...). - Ngôn từ tăng cường tính trào phúng (cường điệu, lặp, nói bóng gió, nói quá, nói lỡ, nói không ra tiếng, đối thoại “ăn miếng trả miếng” tố cáo lẫn nhau,...). 2. Nội dung Đoạn trích lên án “thói Khơ-lét-xta-cốp”, thói khoác lác, ảo tưởng – bắt nguồn từ mặc cảm về thân phận nhỏ mọn của chính nhân vật trong thực tế. Thói tật này không hướng con người tới hành động khắc phục khiếm khuyết, vươn lên trong cuộc sống mà chỉ tạo ra cảm giác tự mãn, say sưa với những lời tăng bốc, làm cho cuộc sống không thể thay đổi; tệ hơn nữa, khi ảo tưởng tan vỡ, thói tật này có thể huỷ hoại nhân cách và cuộc sống con người.
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Kết nối đọc – viết
- Học sinh phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc, người xem và tiến bộ xã hội.

b. Nội dung

- GV giao HS viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu
- Thực hiện tại lớp: 15 phút

c. Sản phẩm: Bài làm của HS: đoạn văn 150 chữ

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ của em về cách khắc phục “thói quen Khơ-lét-xta-cốp” B2: Thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu: HS suy nghĩ độc lập và hoàn thành bài viết. - Thời gian: 15 phút B3: Báo cáo thảo luận - Hs chia sẻ bài viết, phản biện và trao đổi	Để viết đúng yêu cầu, HS cần có chủ kiến khi viết đoạn văn

B4: Kết luận, nhận định – GV cần lưu ý HS yêu cầu về cấu trúc đoạn văn, về ngữ pháp và liên kết câu, về số câu của đoạn theo quy định. – GV thu sản phẩm thực hành luyện tập, vận dụng của HS để theo dõi và đánh giá khả năng viết của các em, khi cần, có thể sử dụng làm tư liệu trong dạy học viết.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học về văn bản *Nhân vật quan trọng* để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Theo bạn, thói Khơ-lét-xta-cốp bắt nguồn từ đâu và có thể gây ra những hậu quả gì? Nêu suy nghĩ của bạn về nhận định của Gogol: “ít ai tránh được việc trở nên giống Khơ-lét-xta-cốp, dù chỉ một lần trong đời”

c. Sản phẩm: Bài chuẩn bị của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ. HS làm bài tập về nhà như mục <i>Nội dung</i> và yêu cầu nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và báo cáo vào buổi học sau. B2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. B 3. GV tổ chức báo cáo. GV chỉ định các nhóm HS trình bày ở đầu buổi học tới (có thể lấy điểm đánh giá quá trình). B4. GV nhận xét, đánh về phần chuẩn bị của HS, bình luận về bài học và kết luận.	Sản phẩm: bài viết, bài thuyết minh sáng tạo, trình chiếu của HS

4. củng cố: Hs lưu ý cách khai thác một văn bản kịch

5. HDVN: Hs ôn tập lại kiến thức đã học, chuẩn bị văn bản 2

Tiết 46,47 - VĂN BẢN 2

GIẤU CỬA

Lộng Chương

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: HS hiểu sâu sắc về hài kịch hiện đại và ý nghĩa thực tiễn mà tác giả truyền tải qua văn bản.

2. Về năng lực:

- HS nhận biết và phân tích được nội dung và nghệ thuật của một vở hài kịch hiện đại (xung đột kịch, hành động, nhân vật, ngôn ngữ, tình huống,...) qua văn bản “Giấu cửa” - Lộng Chương.

- HS hiểu được giá trị của tiếng cười phê phán những thói hư, tật xấu của con người mà tác giả hài kịch đề cập đến.

- HS biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học qua văn bản “Giấu cửa” để đọc hiểu một số tác phẩm hài kịch và thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

3. Về phẩm chất:

- HS biết suy nghĩ và hành động vì xã hội, tránh lối suy nghĩ nhỏ nhen, ti tiện, ích kỉ trong cuộc sống.

- HS biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội, sống có khát vọng, vui tươi, tự nhiên, trung thực.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- KHBD, Bài giảng Powpoint

- Phương tiện dạy học: Máy chiếu/TV, máy tính kết nối mạng.

- Học liệu: tranh ảnh, đoạn phim ngắn, sơ đồ, bảng biểu, phiếu học tập.

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho hs ở nhà.

2. Học liệu

- Sgk Ngữ văn 12, sách bài tập (nếu có), soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu

- Hs tạo được hưng phấn và tâm thế để khám phá trọng tâm bài học.
- Nhận biết và nêu ý nghĩa của những câu chuyện hài trong văn chương và trong cuộc sống.

b. Nội dung

- Vận dụng tri thức về cuộc sống và chính kiến của bản thân để trình bày vấn đề.
- Hs biết độc lập suy nghĩ, làm chủ tình huống để có tư duy tiếp cận nội dung bài học.
- GV động viên, khích lệ học sinh tự bộc lộ cảm xúc trước một vấn đề.

c. Sản phẩm

- Kết quả làm việc của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV chiếu cho hs xem một đoạn video tóm tắt vở hài kịch Lão hà tiện - Mô-li-e và yêu cầu hs rút ra ý nghĩa. https://youtu.be/Dd2HpvhuxQ4?si=wwZEP7hmBxZCM-oK Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - GV yêu cầu hs thảo luận theo cặp thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - Hs chia sẻ, lớp theo dõi, nhận xét và đưa ra ý kiến - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn, gợi mở Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chốt kiến thức, dẫn vào bài mới.	*Hs nhận nhiệm vụ và thực hiện

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu vài nét về tác giả, tác phẩm và đọc văn bản

a. Mục tiêu

- Rèn luyện kỹ năng nắm bắt thông tin về tác giả để góp phần khám phá văn bản
- Nắm bắt được thông tin về xuất xứ của đoạn trích trong một tác phẩm.
- HS biết cách đọc văn bản hài kịch hiện đại.

b. Nội dung

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV
- HS dựa vào sgk, tham khảo các nguồn tài liệu để nắm thông tin.
- GV hướng dẫn hs thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả của hs.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu tác giả, tác phẩm. B1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS chuẩn bị bài ở nhà và thực hiện yêu cầu chỉ ra thông tin về tác giả, tác phẩm B2: HS thực hiện nhiệm vụ	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Lộng Chương (1918-2003), quê Hải Dương. - Ông là đạo diễn sân khấu, nhà văn, nhà viết kịch tiêu biểu thuộc thế hệ

- HS tham khảo sgk, các nguồn tài liệu để thực hiện nhiệm vụ. B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - Hs báo cáo kết quả tại lớp (TV/Máy chiếu, sơ đồ tư duy). GV tổ chức cho hs khác góp ý, nhận xét, bổ sung hoàn thiện B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của hs. Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn HS đọc văn bản B1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu hs đọc văn bản Phân vai đọc (chú ý thể đọc và cước chú). B2: HS thực hiện nhiệm vụ Hs dựa vào sgk để thực hiện yêu cầu B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV gọi Hs báo cáo theo yêu cầu và cho Hs đánh giá, nhận xét chéo. B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, đánh giá và bổ sung theo Dự kiến sản phẩm.	văn nghệ sĩ trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống Pháp. - Sáng tác ở nhiều thể loại như: tuồng, chèo nhưng thành công nhất ở hài kịch (Mối lo cụ Cửu-1950, Hối vợ -1958, Quấn-1960,...) - Ông được nhận giải thưởng HCM về Văn học nghệ thuật năm 2000. 2. Tác phẩm: Quấn - Tóm tắt - Vị trí đoạn trích *Đọc - Hs đọc văn bản (phân vai) - Chú ý thể chỉ dẫn trong khi đọc Chú ý lời chỉ dẫn sân khấu như tính ước lệ, tính dân gian, tính biểu cảm.
--	---

Nội dung 2: Hướng dẫn HS khám phá văn bản

a.Mục tiêu

- HS nhận biết và phân tích được các yếu tố cơ bản của hài kịch.
- Hs hiểu ý nghĩa tiếng cười trong cuộc sống, thông qua đó hình thành cho bản thân về một lối sống lành mạnh và biết cười những thói hư tật xấu của con người.

b.Nội dung

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV
- HS làm việc cá nhân và hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn hs thực hiện và trình bày.

c.Sản phẩm: Kết quả của hs.

d.Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu <i>Tình huống hài kịch</i> Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành các nhóm (theo cặp) yêu cầu hs thảo luận và hoàn thành PHT số 1. -<i>Khái niệm tình huống hài kịch</i> -<i>Xác định tình huống hài kịch diễn ra trong văn bản.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ Hs thực hiện thảo luận theo yêu cầu và ghi ý kiến thống nhất vào giấy để trình bày. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ GV cho hs báo cáo kết quả làm việc theo nhóm (đại diện nhóm	II. Khám phá văn bản 1.Tình huống hài kịch * Là tình huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thể sự vớ vẩn những toan tính đời thường, làm nổi bật những thói tật đáng cười của con người”, “những tình huống hiểu lầm, trớ trêu, dở khóc dở cười”. * Tình huống hài kịch trong văn bản: Hai nhân vật Ông Đại Cát và bà Đại Cát vì muốn giữ tài sản, trốn tránh chủ trương công tư hợp doanh mà lo lắng tìm mọi cách “giấu của” trong chính những bức ảnh chân dung của mình và của bà mẹ (cụ Đại Lợi) trong phòng khách nhà họ. Vì sợ lộ họ lại bàn xem giấu ở nơi nào khác cho không bị phát hiện. - Tình huống gây cười nhỏ: Họ ngã vào nhau trong bóng tối, hiểu lầm khi đối thoại ... 2. Các yếu tố của hài kịch a. Nhân vật hài kịch:

trình bày) để cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.

- GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét đánh giá và bổ sung kết quả hoạt động của HS theo mục Sản phẩm

Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Các yếu tố của hài kịch trong văn bản.

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp làm việc theo nhóm yêu cầu thảo luận và hoàn thành PHT 2.

- *Tìm hiểu các yếu tố của hài kịch*

+ Nhân vật

+ Xung đột kịch

+ Hành động

+ Ngôn ngữ

+ Kết cấu

+ Thủ pháp trào phúng

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện thảo luận theo yêu cầu và ghi ý kiến thống nhất vào giấy để trình bày.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS báo cáo để cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.

GV lắng nghe hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét, đánh giá và bổ sung kết quả hoạt động của HS theo mục Sản phẩm.

Nhiệm vụ 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Nghệ thuật sân khấu

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 2 nhóm yêu cầu thảo luận và tìm hiểu vấn đề.

Tìm hiểu Nghệ thuật sân khấu.

Nếu bản thân là đạo diễn sân khấu thì cần lưu ý diễn viên như thế nào ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- Nhân vật chính: Ông Đại Cát, bà Đại Cát, nhân vật phụ: U Trinh => đây là các nhân vật trào phúng được thể hiện qua ngôn ngữ, cử chỉ, hành động... gây cười.

b. Xung đột kịch:

- Lí tưởng: Mong muốn giàu của của hai ông bà Đại Cát. Ông bà Đại Cát tìm mọi cách để che giấu và tâu tán khối gia sản tích cóp được lâu nay, trước khi chuyển xưởng dệt của gia đình thành xưởng dệt công tư hợp doanh

- Thực tế: hai ông bà bị “quẫn” (loay hoay, bẽ tắc trong việc giấu của: ngôn ngữ: run rẩy, ngộ nghĩnh, than vãn về số phận, trách móc lẫn nhau, oán trách cuộc đời; lúng túng thể hiện sự hoảng loạn và mất bình tĩnh, hoang mang, lo lắng, hốt hoảng, chạy đi chạy lại, không biết phải làm gì...)

=> mâu thuẫn giữa những tham vọng, toan tính vật chất với xu thế xã hội. Từ đó tạo ra tiếng cười của hài kịch (vênh lệch giữa lí tưởng và thực tế).

c. Hành động kịch

+ Hai ông bà loay hoay tìm chỗ giấu của “cất trong két ngay đầu giường”, “đem chôn”,... và sự hiểu nhầm giữa giấu của và bức ảnh của hai người.

+ Những hành động ngớ ngẩn của họ khiến cho tình huống trở nên hài hước.

=> chủ yếu là hành động bên ngoài, những toan tính của nhân vật bộc lộ qua lời thoại giúp tô đậm nét tính cách, tính chất cực đoan của hai nhân vật => tạo nên tiếng cười.

d Ngôn ngữ:

+ Ngôn ngữ đối thoại sử dụng các thủ pháp cường điệu, tương phản, lặp, nhại chơi chữ, bóng gió, nói lái, nói quá, nói lỡ, nói k ra tiếng...

e. Thủ pháp trào phúng

- Tạo tình huống hài hước: trạng thái “quẫn” của hai ông bà Đại Cát

- Phóng đại cử chỉ, điệu bộ, ngôn ngữ của nhân vật, sử dụng các chi tiết hiểu lầm (ngã vào nhau, nói thảm, nói k ra tiếng...)

=> tạo tình huống trớ trêu, oái ăm -> tạo tiếng cười.

3. Nghệ thuật sân khấu

a. Vai trò của chi tiết lặp lại

Việc lặp đi lặp lại chi tiết về những tấm ảnh trong lời chỉ dẫn sân khấu ở phần đầu và phần cuối đoạn trích “Giấu của” của Lộng Chương gợi ra những suy nghĩ sau:

- Nhấn mạnh vai trò của những tấm ảnh

+ Những tấm ảnh được lặp đi lặp lại hai lần, cho thấy tầm quan trọng của chúng trong “quần” của nhân vật.

+ Những tấm ảnh là biểu tượng cho truyền thống,

- HS thực hiện thảo luận theo yêu cầu và ghi ý kiến thống nhất vào giấy để trình bày.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV cho HS báo cáo kết quả làm việc cặp đôi để cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.

- GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét đánh giá và bổ sung kết quả hoạt động HS theo mục Sản phẩm.

lịch sử .và giá trị đạo đức của gia đình.

- Tạo sự đối lập

+ Việc lặp lại chi tiết về những tấm ảnh ở đầu và cuối tác phẩm tạo sự đối lập về tâm trạng của nhân vật.

+ Ở đầu tác phẩm, nhân vật vui vẻ, hạnh phúc khi nhìn những tấm ảnh.

+ Ở cuối tác phẩm, nhân vật buồn bã, thất vọng khi nhìn những tấm ảnh.

- Gọi ra suy ngẫm

+ Việc lặp lại chi tiết về những tấm ảnh gọi ra cho người đọc suy ngẫm về sự thay đổi của cuộc đời.

+ Cuộc đời có thể thay đổi bất cứ lúc nào, con người cần phải biết trân trọng những gì mình đang có.

- Tăng tính nghệ thuật

+ Việc lặp lại chi tiết về những tấm ảnh góp phần tăng tính nghệ thuật cho tác phẩm.

+ Nó tạo nên sự liền mạch, thống nhất cho tác phẩm và giúp tác phẩm thêm sâu sắc.

- Ngoài ra, việc lặp đi lặp lại chi tiết về những tấm ảnh còn có thể gọi ra những suy nghĩ khác, tùy thuộc vào cách nhìn nhận của mỗi người đọc.

+ Lần đầu tiên: "Trên bàn thờ, di ảnh cụ tổ, cụ cô, cụ nội, cụ ngoại... đều được treo trang trọng."

+ Lần thứ hai: "Bà Phán nhìn di ảnh cụ tổ, cụ cô, cụ nội, cụ ngoại... rồi nhìn ba đứa con đang quỳ lạy trước bàn thờ" Việc lặp đi lặp lại chi tiết về những tấm ảnh trong lời chỉ dẫn sân khấu ở phần đầu và phần cuối đoạn trích "Giấu của" của Lộng Chương là một dụng ý nghệ thuật của tác giả. Nó góp phần làm cho tác phẩm thêm sâu sắc, ý nghĩa và gọi ra cho người đọc nhiều suy nghĩ: Suy nghĩ về sức mạnh của ký ức; Suy nghĩ về thời gian, thời gian trôi đi không thể xóa nhòa quá khứ, mà chỉ có thể giúp con người trưởng thành và đối mặt với những ký ức của mình. Nếu đạo diễn cần lưu ý diễn viên b.Những điều cần lưu ý diễn viên nếu là đạo diễn vở kịch "Giấu của". Diễn viên cần:

+ Thể hiện tính cách nhân vật:

Ông bà Đại Cát: Tham lam, bủn xỉn, lo lắng, sợ hãi, ngu ngốc, hèn nhát, ..

+ Thể hiện tâm trạng nhân vật

Ông bà Đại Cát: Lo lắng, sợ hãi, hoang mang, bế tắc.

+ Ngôn ngữ và hành động

Phải phù hợp với tính cách và tâm trạng nhân vật.

Phải thể hiện được sự hài hước, châm biếm của tác phẩm.

+ Kỹ thuật sân khấu

Sử dụng ánh sáng, âm nhạc

	Sử dụng đạo cụ để tăng hiệu quả sân khấu. + Diễn xuất Diễn xuất phải tự nhiên, sinh động, thuyết phục; tương tác tốt với nhau. + Ngoài ra, đạo diễn cần lưu ý Thể hiện được thông điệp của tác phẩm. Dàn dựng một vở kịch thành công là một việc không dễ dàng. Đạo diễn cần phải có chuyên môn và kinh nghiệm. Diễn viên cần phải có tài năng và sự nỗ lực để thể hiện ý đồ nghệ thuật.
--	--

PHIẾU HỌC TẬP

Phiếu học tập số 1

GIẤU CỬA (Trích - Quấn của Lộng Chương)

Tìm hiểu *Tình huống hài kịch*

+Khái niệm

.....

.....

.....

+ Tình huống hài kịch trong văn bản

.....

.....

.....

PHT2

Phiếu học tập số 2

GIẤU CỬA (Trích - Quấn của Lộng Chương)

Tìm hiểu *Các yếu tố của hài kịch*

+ *Nhân vật*

.....

.....

.....

+ *Xung đột kịch*

.....

.....

+ *Hành động*

.....

.....

.....

+ *Ngôn ngữ*

.....

.....

.....

+ *Kết cấu*

.....

.....

.....

+ *Thủ pháp trào phúng*

.....

.....

.....

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu

- HS hiểu một cách sâu sắc về điểm nhìn trần thuật trong một tác phẩm tự sự.
- HS biết cách thể hiện vấn đề bằng sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.

b. Nội dung

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để tìm hiểu vấn đề: + Bạn thấy hai nhân vật “đáng cười” trong đoạn trích này đáng ghét hay đáng thương? Tại sao? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS lên trình bày sản phẩm của mình qua (Máy chiếu, Tivi...) cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện. GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV cho HS nhận xét chéo, chốt kiến thức như mục Dự kiến sản phẩm.	* HS có thể có nhiều cách kiến giải khác nhau, sau đây là một số gợi ý - Đáng cười + Hành động lố bịch, thể hiện ở hai nhân vật này liên tục thực hiện những hành động lố bịch, tìm mọi cách để che giấu của. Những hành động này khiến họ trở nên rục rùi và thiếu đi sự tôn trọng đối với người khác. + Sự ích kỷ, thể hiện họ chỉ quan tâm đến việc giấu của mà không màng đến những ảnh hưởng tiêu cực mà nó có thể gây ra cho xã hội. + Sự giả tạo, họ cố gắng che giấu bản chất thật của mình bằng những lời nói dối và hành động giả tạo. - Đáng thương + Nỗi sợ hãi, ông bà Đại Cát này hành động như vậy vì họ sợ hãi bị mất của. Nỗi sợ hãi này khiến họ trở nên mất kiểm soát và có những hành động phi lý. + Sự yếu đuối, bộ lộ họ không đủ mạnh mẽ để đối mặt với sự thật và giải quyết vấn đề một cách trực tiếp. + Sự cô đơn, họ bị cô lập bởi bí mật của mình và không thể chia sẻ nó với bất kỳ ai. Hai nhân vật này "đáng cười" vì những hành động lố bịch và ích kỷ của họ. Tuy nhiên, họ cũng "đáng thương" vì nỗi sợ hãi, sự yếu đuối và sự cô đơn mà họ đang trải qua. Cảm xúc của người đọc đối với hai nhân vật này có thể thay đổi tùy thuộc vào cách họ nhìn nhận vấn đề. Một số người có thể cảm thấy tức giận với sự lố bịch và ích kỷ của họ, trong khi những người khác có thể cảm thấy thương xót cho nỗi sợ hãi và sự yếu đuối của họ.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu

- HS biết cách liên hệ thể loại văn học để làm rõ vấn đề từ một tác phẩm văn học cụ thể.
- HS biết cách đọc tích cực từ văn bản để tự bồi đắp kinh nghiệm sống, hình thành thái độ ứng xử nhân văn trước cuộc đời.

b. Nội dung

- HS biết cách vận dụng kiến thức, kỹ năng để liên hệ mở rộng.

- GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và tìm hiểu vấn đề: + Chỉ ra xung đột giữa thực tế và lí tưởng được thể hiện trong đoạn trích. Bước 2: HS nhận nhiệm vụ thực hiện - HS thực hiện yêu cầu theo sự hướng dẫn của GV. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS lên trình bày sản phẩm, GV cùng HS theo dõi, góp ý và bổ sung. Bước 4: Đánh giá sản phẩm - (Đầu tiết học) GV cho HS đánh giá, nhận xét về đoạn văn học sinh đã viết. GV đánh giá theo yêu cầu viết đoạn văn.	* HS có thể có nhiều cách trình bày khác nhau song cần lưu ý - Lí tưởng của nhân vật + Ông Bà Đại Cát: Muốn giữ gìn của cải cho gia đình. + Cô Trinh: Muốn giúp đỡ những người nghèo khổ. - Thực tế + Xã hội loạn lạc, bất công: + Quan lại tham nhũng, bóc lột nhân dân. + Nhân dân lâm vào cảnh đói khổ. + Gia đình ông bà Đại Cát: + Của cải có được là do bóc lột nhân dân. + Họ tham lam, bủn xỉn, không muốn chia sẻ với người khác. - Xung đột + Lí tưởng của nhân vật mâu thuẫn với thực tế xã hội: Ông bà Đại Cát muốn giữ gìn của cải, nhưng thực tế xã hội, thời thế khiến họ phải lo lắng, sợ hãi. U Trinh muốn giúp đỡ người nghèo, nhưng thực tế là bà không có đủ khả năng. => Lí tưởng của nhân vật mâu thuẫn với bản chất của họ. - Hậu quả + Xung đột giữa thực tế và lí tưởng khiến nhân vật rơi vào bế tắc, không tìm ra lối thoát. - Ý nghĩa + Thể hiện sự phê phán của tác giả đối với xã hội bất công: Xã hội khiến con người phải đánh mất lí tưởng. Con người phải sống trong lo lắng, sợ hãi. + Thể hiện niềm tin vào con người: Con người vẫn luôn hướng đến những điều tốt đẹp. Con người cần phải đấu tranh để thay đổi xã hội. Xung đột giữa thực tế và lí tưởng là một chủ đề quan trọng trong văn học. Xung đột này được thể hiện rõ nét trong đoạn trích "Giấu của" của Lộng Chương. Qua đó, tác giả đã thể hiện sự phê phán của mình đối với xã hội bất công và niềm tin vào con người.

4. Củng cố: Hs lưu ý cách khai thác một văn bản kịch

5. HDVN:

- Hs ôn tập lại kiến thức đã học

- Chuẩn bị phần viết

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I

SỞ GD & ĐT TP ĐÀ NẴNG

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN

MÔN: *NGỮ VĂN 12*

Năm học: 2025 – 2026

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

T T	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Mức độ nhận thức						Tổng % điểm	
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng			
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ		
1	Đọc	Văn bản truyện hiện đại có yếu tố kì ảo ngoài chương trình	5	2	15%	2	20%	1	5%	40%	
2	Viết	Viết đoạn văn nghị luận văn học	1	10%		5%		5%			20%
		Viết bài văn nghị luận xã hội	1	15%		5%		20%			40%
Tỉ lệ				40%		30%		30%		100	
Tổng			7	100%							

I. NỘI DUNG ÔN TẬP:

- 1. Hình thức bài thi: tự luận
- 2. Thời gian: 90 phút
- 3. Cấu trúc đề gồm 2 phần: Đọc hiểu và Viết (Làm văn)

* Phần I: Đọc hiểu (4.0 điểm):

- **Ngữ liệu :** là những văn bản văn học ngoài SGK thuộc thể loại TRUYỆN HIỆN ĐẠI
- **Yêu cầu:**
 - + Cần đọc, tham khảo các tác phẩm văn học thuộc thể loại truyện ngắn hiện đại có yếu tố kì ảo ...
 - + Cần rèn luyện kĩ năng đọc- hiểu để trả lời các câu hỏi tự luận ở các mức độ nhận biết

và thông hiểu.

- + Cần rèn luyện kỹ năng trả lời ngắn gọn, trọng tâm câu hỏi tự luận ở mức độ vận dụng

*** Phần II: Viết (6,0 điểm):**

1. Đoạn nghị luận văn học(2đ)

- Về kiến thức: Kiến thức có trong phần đọc hiểu
- Về kỹ năng: yêu cầu HS nắm được:

Kỹ năng viết đoạn văn nghị luận phân tích vẻ đẹp nhân vật

Dung lượng: 150 chữ

2. Nghị luận xã hội

- Về kiến thức:

Kiến thức là một vấn đề xã hội có trong chương trình Sách giáo khoa Ngữ văn 12.

- Về kỹ năng: yêu cầu HS nắm được:

+ Kỹ năng viết một bài văn nghị luận xã hội

+ **Dung lượng: 600 chữ**

II. HƯỚNG DẪN KỸ NĂNG VIẾT

LÍ THUYẾT

1. Viết đoạn NLVH

MĐ: Dẫn dắt , giới thiệu vấn đề cần nghị luận

TĐ: Triển khai vấn đề cần nghị luận

- Phân tích nhân vật: ngoại hình, phẩm chất

- Đánh giá giá trị của các yếu tố nghệ thuật:

+ Đối với chủ đề tác phẩm

+ Tài năng, phong cách tác giả

+ Thông điệp đến người đọc

2. Viết bài NLXH

- Bố cục bài viết gồm ba phần:

Mở bài:	- Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề cần nghị luận
Thân bài:	* Thân bài - L Đ1: Giải thích vấn đề nghị luận -> ý nghĩa của vấn đề LĐ 2: Phân tích, chứng minh làm rõ vai trò của vấn đề (lí lẽ và bằng chứng) LĐ 3: Mở rộng ,trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện... LĐ 4: Bài học nhận thức và hành động của bản thân
Kết bài:	Tái quát lại vấn đề nghị luận

III. ĐỀ THAMKHẢO

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm) Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

SÓI TRẢ THÙ

Hua Tát có gia đình thợ săn họ Hoàng. Đến đời Hoàng Văn Nhân thì tiếng tăm của gia đình này đã vang dội khắp các bản mường. Nhân bắn rất giỏi, ông luôn là người cầm chịch trong các mùa săn. ông không biết sợ là gì. Điều này giống như cha ông, ông nội ông và cụ nội ông. Nhân có hai vợ nhưng cả hai bà đều không có con cái. Ngoài năm mươi tuổi, Nhân lấy thêm một bà vợ nữa và may mắn thay, bà ba sinh hạ cho ông được một đứa bé đẹp như tiên ông. ông Nhân đặt tên cho con là Hoàng Văn San.

Từ năm tuổi, San đã theo cha vào rừng. ông Nhân quyết chí rèn cặp cho con cũng thành một chàng thợ săn lão luyện. Các bô lão trong bản khuyên ông:

- Hãy để thằng San qua tuổi mười ba là tuổi ma bắt. Hãy biết sợ rừng, cho nó vào rừng sớm quá là không tốt đâu!

Ông Nhân trả lời:

- Năm tuổi cha tôi cũng đã cho tôi vào rừng rồi đấy!

Các bô lão bảo:

- Thời xưa khác, thời nay khác. Cha ông có bốn người con, còn ông chỉ có một...

Ông Nhân cười khẩy. Bọn trẻ chúng ta cùng hay cười khẩy với những người già như thế. Ta không biết rằng lời nói của những người già đôi khi giống như những lời tiên tri. Người già biết sợ, có điều sợ không phải là điều đáng thích thú gì...

San lớn dần lên, tám tuổi thì nó đã bẫy được cả gà lôi, mười tuổi thì nó đã bắn được mười phát trúng bẫy. ông Nhân thấy rằng cũng đã đến lúc phải cho con mình đi săn thú dữ. Năm mười hai tuổi, ông Nhân cho con ông đi săn chó sói.

Lần ấy, phường săn đi theo ông Nhân để có ba chục người. Chó sói là loài thú khôn ngoan và cũng không kém kiêu hãnh ở rừng. Nó ác độc và mưu mẹo. Khi bị phường săn tấn công, nó tán ra và chịu hy sinh một số con mồi để cứu những con chủ yếu nhất đàn. ông Nhân là người có kinh nghiệm, ông để một số thợ săn đuổi theo những con sói mồi, còn ông và những người khác không chịu buông tha những con chủ yếu. ông không mắc mưu con sói đầu đàn. Đó là một con sói cái đã già, lông hung hung đỏ. Khi chạy, nó nằm rạp xuống mặt đất và phóng theo một đường chữ chi ngoằn ngoèo. ông Nhân quyết chí bám riết, dón nó đến tận cùng hang.

San theo sát bố. Nó đã quen với tiếng rú rít của lũ sói. ông Nhân dạy con biết cách phân biệt các tín hiệu của loài sói, đâu là tiếng lệnh, tiếng gọi, tiếng kêu sợ hãi, thậm chí đến cách vẫy đuôi cũng có những dấu hiệu riêng. Cho đến cuối ngày, đàn sói đã bị phường săn tiêu diệt gần hết. Phường săn dồn con sói cái đầu đàn vào hang của nó, cái hang sâu, ở đó có những cột nhũ đá rêu bám xanh rì. Con chó sói đã già, từng tùm lông lưng đã chuyển sang lốm đốm bạc. Bị dồn vào hang, nó chống cự ác liệt, mắt nó đỏ ngầu. Không hiểu lúc đó nó đã nghĩ gì. Một thoáng, nó nhìn chăm chú ông Nhân như để nhận dạng rồi nó lao vào góc sâu nhất nơi có đàn con đang chụm vào nhau. Nó cố ngoạm được một con sói con thì phát súng nổ. ông Nhân đã lia cả vào lưng con sói một chùm đạn ghém. Con sói đầu đàn đề lên con sói bé xiu mà nó cắn răng vào giữa đỉnh đầu. Phường săn ào vào, lôi xác con sói đầu đàn và bắt những con sói con. Thằng San gỡ con sói con trong miệng của con sói mẹ mang về. Đây là con sói con đẹp nhất trong đàn sói nhỏ.

Con chó sói con lớn lên giữa lũ chó nhà. Nó có vết răng cắn ở đỉnh đầu, nơi đó thành sẹo lông không mọc được. Con chó sói con được nuôi trong nhà ông Nhân. Nó quen với người, tính nết gần giống chó nhà, chỉ có con mắt và điệu bộ là khác. Mắt nó dữ dần, điệu bộ của nó lăm lết. Ông Nhân và cả thằng San đều cùng không thích con sói con này. Tuy nhiên, con sói không hề bao giờ làm trái ý người, vật trong nhà. Nó tránh mọi sự va chạm, tính nết của nó ôn hòa rất dễ lạ lòng. Nó không tranh ăn với những con chó khác, không gây sự với ngựa, dê hoặc lợn, gà. Nó sống làm lũ và rất biết điều. Hình như nó biết mọi người trong nhà đều không thích nó.

Thời gian trôi qua, thấm thoát thằng San đến tuổi mười ba. Ông Nhân định ngày cúng ma cho con. Ông bảo người nhà giết hai con lợn, nhân thế giết luôn con chó sói để thết bà con trong bản.

Hôm ấy, khi người nhà chuẩn bị động dao giết lợn thì xảy ra một việc kinh người. Thằng San ngồi cạnh bố, nó mặc bộ áo lanh đẹp nhất. Nó đã ra dáng vẻ ông chủ. Ông Nhân bảo con đi xem công việc người làm. Thằng San gật đầu, nó nhảy ba bước xuống cầu thang bằng gỗ vàng hiềng, không may cái ống quần lanh vướng vào then ngang của cái cầu thang. Nó ngã xuống đất ngay nơi xích con chó sói. Con sói đang nằm lim dim thì bỗng giật mình chồm dậy. Thằng San đập đầu xuống một hòn đá cạnh con chó sói, miệng vấp vào cái dây sắt buộc vào cổ nó. Máu trào ra từ miệng thằng San. Vết máu đỏ từ miệng thằng San thức tỉnh từ trong tiềm thức mơ hồ của con dã thú một điều gì đấy. Nó chồm lên nhe hàm răng nhọn và trắng nhớn tóe vào giữa cổ thằng San nơi có những vết lang ben mờ mờ.

Người nhà ông Nhân hốt hoảng chạy lại Con chó sói như điên dại không buông tha thằng bé. Nó cắn, cào, nhay, nhá, nó rút từ cổ thằng San ra từng mảnh thịt, từng sợi gân và dây chằng bê bết máu. Thằng San chết ngay, mắt trợn ngược. Cổ nó hõm vào một khoảng đỏ lôm, từ đấy máu phun ra phì phì, sủi cả bong bóng. Máu phun đầy mặt con sói, nhuộm đỏ cái đầu lông lá bù xù. Người ta vất vả lắm mới kéo được con sói ra.

Ông Nhân cầm rìu tiến về con sói nước mắt rùng rùng. Người ta dạt ra hai bên nhường chỗ cho ông. Ông Nhân run bắn cả người. Con sói rúm lại, xích quần vào dưới cầu thang. Dừng lại một lát, bỗng nhiên ông Nhân vung rìu lên và cứ liên hồi chém vào sợi dây xích sắt. Lưỡi rìu quần lại, các sợi xích đứt tung. Con sói tru lên một tiếng rồi phóng chạy về phía rừng, trên cổ vẫn còn lòng thông một đoạn dây ngắn. Đám người đứng quanh ông Nhân sững sờ. Ông Nhân buông rìu quỳ xuống xác đứa con duy nhất, những ngón tay gầy trơ cả khớp xương cày trên mặt đất bê bết máu.

(Trích *Những ngọn gió Hua Tát* - Nguyễn Huy Thiệp)

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để nhận biết thể loại truyện trong văn bản trên?

Câu 2. Tìm chi tiết kỳ ảo trong văn bản nói về con Sói.

Câu 3. Nêu ý nghĩa của chi tiết: Con sói tru lên một tiếng rồi phóng chạy về phía rừng.

Câu 4. Nhận xét ngắn gọn vai trò của nhan đề đối với chủ đề, tư tưởng của văn bản.

Câu 5. Rút ra một bài học có ý nghĩa từ văn bản?

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết đoạn văn khoảng 150 chữ phân tích nhân vật ông Nhân trong phần Đọc hiểu

Câu 2. (4,0 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: Tuổi trẻ cần thoát ra khỏi vùng an toàn để khám phá tiềm năng, trải nghiệm cuộc sống

I. MỤC TIÊU**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Hiểu rõ được những yêu cầu khi làm bài Đọc hiểu, đoạn văn NLVH, bài NLXH
- Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.

2. Năng lực

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành đoạn văn nlvh ,bài văn NLXH
- Năng lực tiếp thu luyện kỹ năng sửa chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.

3. Phẩm chất:

- Nghiêm túc chỉnh sửa những lỗi trong bài kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án, SGK
- Bài của học sinh, đề bài, hướng dẫn chấm – biểu điểm.

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức trong đề kiểm tra.**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****A. KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng khởi cho hs.

b. Nội dung: GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

c. Sản phẩm: Hs chuẩn bị kiến thức đã học

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em đã xem lại phần kiến thức đã kiểm tra trong bài kiểm tra hôm trước chưa?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiết học hôm nay sẽ nhận xét và chữa bài kiểm tra cuối kì.*

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài**

a. Mục tiêu: Hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài.

b. Nội dung: HS sử dụng bài làm, so sánh với đáp án GV đưa ra.

c. Sản phẩm học tập: HS so sánh bài làm với đáp án.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GVCần lưu ý điều gì với phần Đọc – hiểu? Đọc kĩ, trả lời đúng yêu cầu câu hỏi cho HS nhắc lại yêu cầu chung của bài văn NLVH GV nhắc lại các lưu ý khi làm bài văn NLXH về tầm quan trọng của sự bản lĩnh đối với giới trẻ trong cuộc sống hiện nay. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	1. Đọc hiểu • • • • • • • 2. Yêu cầu đối với đoạn nlvh, bài văn NLXH •

Hoạt động 2: Nhận xét ưu, khuyết điểm, trả bài, gọi điểm

- a. **Mục tiêu:** Nhận ra ưu, khuyết điểm của bản thân và cách sửa chữa:
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.
- c. **Sản phẩm học tập:** H HS rút kinh nghiệm bài viết.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm. - GV trả bài cho HS, yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và những phân tích, bổ sung ở trên.	II. ƯU, KHUYẾT ĐIỂM: 1. Ưu điểm: + Nhiều em đã biết cách làm bài, hiểu yêu cầu của đề. + Trình bày khoa học. - Nêu được quan điểm của bản thân - Thể hiện rõ cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. 2. Nhược điểm: - Một số em chưa biết cách làm bài * Kiến thức:

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh nghiệm. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. - Hướng dẫn HS viết lại bài văn cảm nhận.	+ Chưa nắm vững yêu cầu bài làm. + Bài văn nêu còn sơ sài * Diễn đạt: - Dùng từ : Một số em dùng từ ngữ chưa chính xác, chưa biết cách diễn đạt mạch lạc, logic. - Lời văn : Một số em viết bài chưa đạt yêu cầu. - Chữ viết : Ấu, sai lỗi chính tả nhiều, gạch xóa, trình bày không khoa học. 3. Kết quả: 4. Hướng dẫn chữa bài: - Lỗi chính tả :nh-gi-d, anh - an, ... - Lỗi diễn đạt : Lủng củng, lặp từ, sai từ. III. Trả bài:
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức.

b. Nội dung: GV giao bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.

c. Sản phẩm học tập: HS viết bài theo yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS: Đọc bài viết của các bạn trong nhóm và cùng trao đổi, góp ý.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc và hoàn thành bài tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS hoàn thiện bài viết của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại bài.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa văn bản tóm tắt vừa hoàn thành theo gợi ý:

Em rút ra kinh nghiệm gì sau khi làm bài văn này?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và sửa lỗi trong bài kiểm tra theo nhận xét của giáo viên.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS đại diện trình bày.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

PHẦN 2: VIẾT

Tiết 52. VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN, XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nắm được đặc trưng của văn bản báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.
- Nắm được đặc điểm của vấn đề nghiên cứu và lí giải được đặc điểm đó từ nhiều góc độ.

2. Về năng lực:

- Nhận biết được yêu cầu cần đạt của kiểu bài.
- Thực hành viết được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội; có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh họa, có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo.
- Vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

3. Về phẩm chất: Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cẩn trọng để tạo lập một báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Bảng, máy tính, máy chiếu, dụng cụ khác (nếu cần).

2. Học liệu: SGK, SGV *Ngữ văn 12*, tập một, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

- GV cho học sinh kể tên các vấn đề tự nhiên, xã hội.
- HS liệt kê, tổng hợp.

c. Sản phẩm: Kết quả tìm hiểu và câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Nêu một số đề tài trong tự nhiên và xã hội có tính vấn đề cần được nghiên cứu và làm rõ	Gợi ý : -Hành động của giới trẻ trong phong trào tái chế vật liệu đã qua sử dụng để bảo vệ môi trường. - Vai trò của những người có sức ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay....
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, tìm chủ đề.	
B3. Báo cáo thảo luận: HS chia sẻ và bộc lộ quan điểm của mình (Gv cho 1-2 HS trình bày, các Hs khác bổ sung)	
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và kết luận	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu: HS biết được những yêu cầu của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

b. Nội dung: Yêu cầu của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

c. Sản phẩm: Yêu cầu của kiểu bài

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Đề viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội cần lưu ý những yêu cầu nào? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs đọc mục Yêu cầu, sgk.tr146 B3. Báo cáo thảo luận: Hs trả lời ngắn gọn yêu cầu của kiểu bài B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv kết luận	- Giới thiệu được đề tài nghiên cứu. - Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống luận điểm rõ ràng. - Thể hiện được cái nhìn toàn cảnh về vấn đề nghiên cứu và quan điểm của người viết. - Biết vận dụng các thao tác nghiên cứu cơ bản, khai thác các nguồn tham khảo đáng tin cậy. - Sử dụng hiệu quả sơ đồ, bảng biểu; trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo theo đúng qui định.

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- Hs xác định được ý nghĩa việc đặt nhan đề cho bài báo cáo nghiên cứu.
- Hs xác định được hệ thống luận điểm, cứ liệu minh họa.
- Hs chỉ ra tính chất ngôn ngữ khách quan, khoa học của bài nghiên cứu, xác định quan điểm, đánh giá riêng của tác giả.
- Hs khái quát được ý nghĩa của vấn đề báo cáo nghiên cứu.

b. Nội dung: Hs tìm hiểu bài viết tham khảo “*Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa*”

c. Sản phẩm: HS phân tích được bài viết tham khảo để hiểu rõ cách thức viết bài nghiên cứu

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm										
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS đọc và phân tích bài viết tham khảo, trả lời các câu hỏi tr 149 Nhóm 1 câu 1 Phiếu 1.1 <table border="1" style="margin-left: 20px;"> <tr> <td rowspan="4" style="text-align: center; vertical-align: middle;">Nhan đề</td><td>Đề tài:</td></tr> <tr> <td>Nội dung:</td></tr> <tr> <td>Phạm vi:</td></tr> <tr> <td>Nhận xét chung:</td></tr> </table> Nhóm 2 câu 2	Nhan đề	Đề tài:	Nội dung:	Phạm vi:	Nhận xét chung:	1. Nhan đề: Nhan đề của bài báo cáo cho biết thông tin về đề tài, nội dung và phạm vi nghiên cứu như sau: <table border="1" style="margin-left: 20px;"> <tr> <td rowspan="4" style="text-align: center; vertical-align: middle;">Nhan đề</td><td>Đề tài: nghiên cứu về vấn đề mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa.</td></tr> <tr> <td>Nội dung: đặc điểm, biểu hiện của mỹ thuật Việt Nam trong thời mở cửa, những đổi mới, trào lưu mỹ thuật, thành tựu, ...</td></tr> <tr> <td>Phạm vi: nghiên cứu những tác phẩm hội họa, điêu khắc, đồ họa, kiến trúc của Việt Nam... trong thời gian từ 1986 đến nay.</td></tr> <tr> <td>Nhận xét chung: Nhan đề ngắn gọn, súc tích, giàu tính khái quát</td></tr> </table>	Nhan đề	Đề tài: nghiên cứu về vấn đề mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa.	Nội dung: đặc điểm, biểu hiện của mỹ thuật Việt Nam trong thời mở cửa, những đổi mới, trào lưu mỹ thuật, thành tựu, ...	Phạm vi: nghiên cứu những tác phẩm hội họa, điêu khắc, đồ họa, kiến trúc của Việt Nam... trong thời gian từ 1986 đến nay.	Nhận xét chung: Nhan đề ngắn gọn, súc tích, giàu tính khái quát
Nhan đề		Đề tài:									
		Nội dung:									
		Phạm vi:									
	Nhận xét chung:										
Nhan đề	Đề tài: nghiên cứu về vấn đề mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa.										
	Nội dung: đặc điểm, biểu hiện của mỹ thuật Việt Nam trong thời mở cửa, những đổi mới, trào lưu mỹ thuật, thành tựu, ...										
	Phạm vi: nghiên cứu những tác phẩm hội họa, điêu khắc, đồ họa, kiến trúc của Việt Nam... trong thời gian từ 1986 đến nay.										
	Nhận xét chung: Nhan đề ngắn gọn, súc tích, giàu tính khái quát										

Phiếu 1.2

STT	Luận đi m	Câu chủ đề	Cứ liệu
1			
2			
3			

Nhóm 3 câu 3

Nhóm 4 câu 4,5

- HS nhóm 1,2 hoàn thành nhiệm vụ vào *phiếu học tập số 1*

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

Hs đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập.

B3. Báo cáo thảo luận:

Đại diện các nhóm chia sẻ sản phẩm

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Hs khác nhận xét. Gv nhận xét, kết luận.

2. Luận điểm :

STT	Luận điểm	Câu chủ đề	Cứ liệu
1	Sự đổi mới về chủ đề và nội dung trong mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa.	Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa phản ánh đa dạng các chủ đề về đời sống xã hội, c n người và thiên nhiên, thể hiện quan điểm mới mẻ, cởi mở và hướng đến hiện thực.	- Phân tích các tác phẩm hội họa, điêu khắc, đồ họa, kiến trúc tiêu biểu của thời kì này. - So sánh các tác phẩm mỹ thuật trước thời kì mở cửa. - lấy dẫn chứng về các tác phẩm cụ thể và tác phẩm của chúng.
2	Sự xuất hiện của các trào lưu nghệ thuật mới	Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa tiếp nhận và sáng tạo các trào lưu nghệ thuật mới từ phương tây, tạo nên sự đa dạng và phong phú trong ngôn ngữ nghệ thuật.	- Giới thiệu các trào lưu nghệ thuật mới xuất hiện trong thời kì này như trừu tượng, biểu hiện, tối giản,.. - Phân tích các tác phẩm tiêu biểu của từng trào lưu. - Đánh giá ảnh hưởng của các trào lưu nghệ thuật mới đối với nền mỹ thuật Việt Nam.
3	Ảnh hưởng của nghệ thuật quốc	Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa giao lưu	- Phân tích sự giao lưu, hội nhập của mỹ

		tế.	và hội nhập với nghệ thuật quốc tế, góp phần nâng cao vị thế của mỹ thuật Việt Nam trên trường quốc tế.	thuật Việt Nam với nghệ thuật quốc tế qua các triển lãm, hội thảo, và các hoạt động giao lưu nghệ sĩ. - Đánh giá ảnh hưởng của nghệ thuật quốc tế đối với mỹ thuật Việt Nam. - lấy dẫn chứng về các nghệ sĩ Việt Nam thành công trên trường quốc tế.
3. Các đặc điểm của ngôn ngữ được sử dụng trong báo cáo nghiên cứu: Ngôn ngữ chính xác, logic, khách quan, khoa học và rõ ràng, mang đặc trưng của ngôn ngữ khoa học. 4. Tác dụng của tranh minh họa: tranh minh họa giúp người đọc hiểu rõ hơn về nội dung của văn bản, tăng tính thẩm mỹ và thu hút người đọc, gây ấn tượng và dễ dàng ghi nhớ thông tin, tạo sự đa dạng và phong phú cho văn bản. 5. Tính chất của các tài liệu tham khảo: uy tín, tin cậy, liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, được xuất bản gần đây; dễ tìm kiếm và truy cập.				

Nội dung 3: Quy trình viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

a. Mục tiêu: Hs định hướng cách viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội. .

b. Nội dung: Quy trình viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Qua quá trình tìm hiểu bài viết tham khảo, hãy rút ra quy trình viết	1. Chuẩn bị viết - Lựa chọn đề tài. - Thu thập, phân tích và đánh giá thông tin.

báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội. B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs định hướng cách viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội. B3. Báo cáo thảo luận: 1 Hs trình bày, hs khác bổ sung B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, kết luận	- Xây dựng đề cương + Đặt vấn đề: Đề cập được vấn đề nghiên cứu. + Giải quyết vấn đề : Các luận điểm phải được triển khai rõ ràng, có hệ thống. + Kết luận: Tổng kết kết quả nghiên cứu và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo. 2. Viết + Khi trình bày các luận điểm, người viết đồng thời cho thấy cách tiếp cận riêng và quan điểm riêng của mình đối với vấn đề nghiên cứu. + Trong quá trình viết, cần chú ý sắp xếp và trình bày các phương tiện hỗ trợ như sơ đồ, bảng biểu, tranh ảnh,..phù hợp với nội dung được thể hiện ở kênh chữ. 3. Chỉnh sửa, hoàn thiện Chú ý kiểm tra tính chính xác cả về nội dung và hình thức + Về nội dung: các tiêu mục của bài viết cần tường minh, đầy đủ; luận điểm được triển khai rõ ràng - Về hình thức: trình bày đúng qui cách của một báo cáo nghiên cứu; tài liệu tham khảo được tách thành phần riêng; các phương tiện phi ngôn ngữ được thể hiện hợp lý; chính tả, diễn đạt đảm bảo chuẩn mực)
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu: Học sinh thực hành viết

b. Nội dung: HS làm việc nhóm, 2 nhóm chung một đề tài; mỗi nhóm thiết lập đề cương bài viết báo cáo nghiên cứu. Sau đó mỗi nhóm trình bày và nhóm còn lại phản biện, bổ sung.

- Nhóm 1, 2: Vai trò của những người có sức ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay

- Nhóm 3, 4: Xu hướng hay hiện tượng âm nhạc đang được HS quan tâm và tán thưởng

c. Sản phẩm: Đề cương và bài viết của hs

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hs lựa chọn đề tài, thu thập và xử lý thông tin. B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs tiến hành nhiệm vụ ở nhà với nhiệm vụ đã được giáo viên thông báo từ trước tiết học. B3. Báo cáo thảo luận: - Hs đại diện nhóm trình bày - Nhóm còn lại bổ sung, phản biện B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét	- Vai trò của những người có sức ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay - Xu hướng hay hiện tượng âm nhạc đang được HS quan tâm và tán thưởng

*** Xây dựng đề cương:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Các nhóm thu thập thông tin và xây dựng đề cương cho nội dung của nhóm mình - Tài liệu tham khảo: có thể sử dụng đa dạng nhưng phải ghi rõ nguồn B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs thu thập thông tin và xây dựng đề cương B3. Báo cáo thảo luận: Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm bổ sung, phản biện B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, chuẩn hóa kiến thức	Đề tài: Vai trò của những người có sức ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay - Đặt vấn đề : Trong thời đại số hóa, sức ảnh hưởng của người nổi tiếng có thể tác động lớn đến những người dùng khác trên mạng xã hội đặc biệt là thanh niên. - Giải quyết vấn đề : Tầm ảnh hưởng của người có sức ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội góp phần : + Thúc đẩy những hành động tích cực, nhân ái. + Truyền cảm hứng, trở thành nguồn động lực giúp thanh niên nỗ lực hơn trong cuộc sống. ... - Kết luận : Không thể phủ nhận vai trò của những người có sức ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay. Tuy nhiên, vì nhiều lí do, thanh niên dễ bị tác động tiêu cực từ người nổi tiếng. Rất cần sự tiếp nhận “khôn ngoan”. - Tài liệu tham khảo Đề tài: Xu hướng hay hiện tượng âm nhạc đang được HS quan tâm và tán thưởng - Đặt vấn đề :Xu hướng âm nhạc mới: Giao thoa giữa yếu tố dân tộc và xu thế hiện đại (còn gọi là Folktronica). - Giải quyết vấn đề : + Sự thành công của DTAP - nhóm nhạc sĩ kiêm nhà sản xuất ca khúc gắn với thành công của Hoàng Thùy Linh với các tác phẩm như See tình, Gieo quẻ... + DTAP tiếp tục tạo dấu ấn khi kết hợp cùng Phương Mỹ Chi trong MV Vũ trụ có anh và album Vũ trụ cò bay + Nữ ca sĩ Hòa Minzy đóng góp ca khúc Thị Mầu - Kết luận: Kết quả chứng minh sự kết hợp phong cách hiện đại với chất liệu dân gian rất được Gen Z ưa chuộng, bởi thế hệ trẻ ngày nay vừa coi trọng nền văn hóa phong phú của nước nhà, vừa khát khao mang những nét đặc sắc của Việt Nam vươn tầm thế giới. - Tài liệu tham khảo

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hs làm việc cá nhân Hs viết theo nội dung đề cương mà nhóm đã thảo luận và chỉnh sửa	

hoàn thiện

B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hành viết và chỉnh sửa bài viết của mình

B3. Báo cáo thảo luận: HS các nhóm đọc bài viết và góp ý cho nhau theo các tiêu chí trong phiếu số 2

STT	Yêu cầu	Đạt	Chưa đạt
1	Giới thiệu đề tài nghiên cứu.		
2	Trình bày kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống luận điểm		
3	Thể hiện cái nhìn toàn cảnh về vấn đề nghiên cứu và quan điểm của người viết		
4	Khai thác các nguồn tham khảo đáng tin cậy		
5	Sử dụng hiệu quả sơ đồ, bảng biểu; có thuyết minh các hình ảnh minh họa; có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo theo đúng quy định		

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Gv nhận xét về quá trình thực hiện của học sinh

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu: Hs phân tích được những ưu và nhược điểm trong bài thực hành viết của bản thân.

b. Nội dung: Đọc to và phân tích điểm đạt và chưa đạt của 1 hoặc 2 bài viết

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Nhắc lại yêu cầu của kiểu bài - Gv nhận xét chung về bài làm của hs: ưu điểm, khuyết điểm - Phân tích 1, 2 bài làm của hs để rút kinh nghiệm chung. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Hs đọc bài của mình - Những hs khác đối chiếu với phiếu đánh giá để nhận xét B3. Báo cáo thảo luận: Hs nhận xét bài làm của bạn sau quá trình lắng nghe và đối chiếu B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét chung	1. Nhắc lại yêu cầu của kiểu bài - Nêu được đề tài - Xây dựng hệ thống luận điểm - Biết vận dụng các thao tác - Khai thác nguồn tin - Thể hiện được quan điểm cá nhân 2. Nhận xét chung * Ưu điểm: – Một số bài viết đảm bảo đúng quy trình của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội. - Bộc lộ được quan điểm cá nhân về vấn đề. Lập luận thuyết phục. - Nguồn tài liệu tham khảo có tính minh xác – Nhiều bài trình bày cẩn thận, chữ viết sạch đẹp. * Khuyết điểm: – Một số bài viết rất chung chung, mang tính một bài

	nghị luận xã hội chứ chưa phải bài báo cáo nghiên cứu. - Tham khảo tài liệu nhưng không công khai tài liệu tham khảo. – Nhiều bài trình bày cầu thả, chữ viết không cẩn thận, sai nhiều lỗi viết câu dùng từ
--	--

4. Củng cố: Hs khái quát lại những điểm lưu ý của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên và xã hội để phân biệt với kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội trên các phương diện: đánh giá cá nhân; thu thập, phân tích, xử lý thông tin; hình ảnh minh họa.

5. HDVN:

- Hs ôn tập lại kiến thức đã học
- Chuẩn bị bài Nói và nghe

NÓI VÀ NGHE

Tiết: 53, 54

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy nói và nghe:

- Nhận biết được các yêu cầu về nội dung và hình thức của việc trình báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.
- Thuyết trình được kết quả nghiên cứu một cách có hệ thống, kết hợp được các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

- Chủ động thực hành các yêu cầu đối với người nói và người nghe, theo đề tài đã được xác định, lựa chọn.

2. Phẩm chất: Biết tôn trọng người đối thoại, hình thành tư duy phản biện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Xem video ngắn sau và trả lời các câu hỏi: http://thptsonduong.tuyenquang.edu.vn/tai-nguyen/video-clip/bai-thi-tranh-luan-ve-chu-de-loi-ich-tac-hai-cua-cong-nghe-so-doan-truong-thpt-son-duong.html Hãy cho biết nội dung của video. Em ấn tượng với phần trình bày của bạn nào? Theo em để trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội có hiệu quả, chúng ta cần làm tốt những khâu nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 2 – 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới. Thuyết phục người nghe đồng tình với quan điểm của mình là một nghệ thuật. Để đạt được điều đó, người nói cần rèn các kỹ năng nói và nghe. Khi chúng ta đã viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội, cần	- Tranh biện về lợi ích, tác hại của công nghệ số. - HS chia sẻ suy nghĩ cá nhân

làm thế nào để trình bày báo cáo kết quả đó có hiệu quả?
 Cô trò chúng ta sẽ đến với bài học ngày hôm nay để các em biết cách trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội hiệu quả, thuyết phục.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- a. Mục tiêu:** HS xác định được yêu cầu và các bước trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.
- b. Nội dung:** Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và các bước trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS		Dự kiến sản phẩm										
*Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Theo dõi SGK tr.152 và chia sẻ: <i>Để trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội đạt hiệu quả, thuyết phục, cần lưu ý điều gì?</i> Bước 2 +3: Thực hiện, báo cáo nhiệm vụ HS đọc SGK, thảo luận cặp đôi 2 phút và báo cáo. HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức. *Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị các bước trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Tùy tình hình lớp học, GV chia lớp thành nhiều nhóm (mỗi nhóm 4 – 6 HS). GV yêu cầu: - Các nhóm chọn sử dụng kết quả của bài thực hành viết. - Tìm ý và sắp xếp ý theo bảng:		I. CHUẨN BỊ NÓI 1. Yêu cầu của kiểu bài trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội Để trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội, cần lưu ý: - Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu và lí do lựa chọn vấn đề đó. - Trình bày được kết quả nghiên cứu một cách khái quát và có hệ thống. - Kết hợp hiệu quả phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng và hấp dẫn. 2. Chuẩn bị các bước trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội a. Chuẩn bị trình bày - Người nói cần xác định rõ mục tiêu: đưa đến cho người nghe một cái nhìn khái quát về nghiên cứu của mình và thu thập được những phản hồi, trao đổi của người nghe về nghiên cứu đó. - Sắp xếp cách trình bày và thời gian trình bày các luận điểm phù hợp với thời gian thuyết trình, giúp người nghe có một cái nhìn tổng quan về vấn đề. Người nói cần chuẩn bị các										
<table><tr><th colspan="2">Vấn đề cần tìm hiểu</th><th>Câu trả lời</th></tr><tr><td colspan="2">Chuẩn bị nói</td><td></td></tr><tr><td>Thực hành nói</td><td>Mở đầu</td><td></td></tr></table>		Vấn đề cần tìm hiểu		Câu trả lời	Chuẩn bị nói			Thực hành nói	Mở đầu			
Vấn đề cần tìm hiểu		Câu trả lời										
Chuẩn bị nói												
Thực hành nói	Mở đầu											

	Triển khai		phương tiện phi ngôn ngữ, hỗ trợ cho bài nói để tạo điều kiện thuận lợi cho người nghe trong quá trình tiếp nhận thông tin. b. Thực hành trình bày - <i>Mở đầu</i> : Giới thiệu ngắn gọn vấn đề nghiên cứu và lí do chọn vấn đề. - <i>Triển khai</i> : Trình bày kết quả nghiên cứu, sử dụng các phương tiện hỗ trợ, chú ý theo dõi sự phản ứng người nghe trong quá trình trình bày và có điều chỉnh nếu cần thiết. - <i>Kết luận</i> : Tóm tắt lại kết quả nghiên cứu, đưa ra đánh giá khái quát, mở rộng, liên hệ,...; bày tỏ thái độ sẵn sàng tiếp nhận các trao đổi của người nghe. c. Trao đổi, đánh giá
	Kết luận		
Trao đổi, đánh giá	Người nghe		
	Người nói		
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, tài liệu tham khảo và thảo luận nhóm, hoàn thiện bảng kiến thức trên giấy A0 hoặc word hoặc PP. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm HS treo bảng kiến thức lên trên bảng hoặc gửi vào zalo nhóm lớp/ padlet. - GV yêu cầu 1 – 2 nhóm trình bày dàn ý đã xây dựng, chỉnh sửa, các nhóm khác góp ý, bổ sung. - GV yêu cầu thực hành luyện nói trong nhóm, góp ý cho nhau trước (Thời gian: khoảng 5 phút). Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét phần làm việc các nhóm, chốt kiến thức.			
		Người nghe	Người nói
		Nhận xét ngắn gọn về bài trình bày về cả nội dung và hình thức.	Bàn luận về các nhận xét và trả lời câu hỏi của người nghe.
		Nêu ý kiến trao đổi, đặt câu hỏi xung quanh vấn đề được thuyết trình.	Xác định hướng tiếp tục hoàn thiện bài báo cáo đã thực hiện.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội. **b. Nội dung:** HS trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội đã chuẩn bị ở bài viết và nhận xét, trao đổi về bài nói.

c. Sản phẩm: Bài trình bày của học sinh và nhận xét, trao đổi về bài nói.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lưu ý HS các bước chuẩn bị để có bài thuyết trình tốt, lưu ý HS tận dụng các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo sức hấp dẫn và thuyết phục. - HS trình bày bài nói, mỗi HS từ 5 – 7 phút.	II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ 1. Thực hành nói Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về chủ nghĩa tối giản.

- HS còn lại lắng nghe, ghi chép vào vở, nhận xét về bài nói trên các tiêu chí trong phiếu đánh giá. (Ở BÊN DƯỚI) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS kiểm tra, rà soát lại bài nói khoảng 2 phút. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS lên trình bày. - HS khác thực hiện nhiệm vụ nghe, ghi chép, trao đổi và hoàn thành phiếu. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV tổng hợp nhận xét và đánh giá. bài thuyết trình của HS theo phiếu đánh giá ở bên dưới.	2. Trao đổi, đánh giá
---	-------------------------------------

PHIẾU ĐÁNH GIÁ			
Vấn đề nghiên cứu:.....			
Nhóm nghiên cứu:			
Kết quả nghiên cứu và cách trình bày		Đạt	Chưa đạt
Kết quả nghiên cứu	Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu và lí do lựa chọn đề tài một cách chính xác, tạo hứng thú.		
	Trình bày được kết quả nghiên cứu sáng rõ, có hệ thống.		
	Thể hiện được quan điểm riêng của người trình bày.		
Cách trình bày	Duy trì được việc tương tác với người nghe trong suốt quá trình nói.		
	Sử dụng có hiệu quả các phương tiện hỗ trợ.		

THAM KHẢO BÀI TRÌNH BÀY KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ CHỦ NGHĨA TỐI GIẢN
Xin kính chào các thầy, các cô! Xin chào các bạn! Em xin phép được trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về chủ nghĩa tối giản. 1. Đặt vấn đề Chủ nghĩa tối giản là một trào lưu sống đang được nhiều người lựa chọn, tạo thành phong cách sống của một số thành phần dân cư. 2. Giải quyết vấn đề 2.1 Chủ nghĩa tối giản (Minimalism) là gì? Minimalism dịch theo tiếng anh có nghĩa là tối giản hay còn được gọi là chủ nghĩa tối giản. Minimalism được sử dụng trong rất nhiều lĩnh vực khác nhau, tuy nhiên chúng đều chỉ chung một ý nghĩa đó là tối giản hoá tất cả các chi tiết đến mức tối đa nhưng vẫn thể hiện được ý nghĩa vốn có ban đầu của sự vật.

2.2. Nguồn gốc của Minimalism

Thực ra thuật ngữ minimalism đã xuất hiện từ rất lâu, có thể vào khoảng cách đây 200 năm 1800-1850: Minimalism không phải thể hiện qua các lĩnh vực liên quan đến nghệ thuật mà chúng xuất phát trong đời sống hàng ngày. Vào thời điểm này, những nhà triết lý cho rằng: sự thấu hiểu và giác ngộ có thể đạt được thông qua sự đơn độc và giản dị. Lúc này chủ nghĩa Minimalism không được công bố hay nhắc đến rõ ràng, nhưng đây là nguồn gốc để thuật ngữ này phát triển mạnh vào thời gian sau.

Ngày nay xu hướng minimalism đã trở thành xu hướng chủ đạo. Không chỉ là cuộc sống đơn giản và sự tối giản này còn len lỏi và liên quan đến tất cả các vấn đề trong cuộc sống, đặc biệt là nghệ thuật và âm nhạc.

Chủ nghĩa tối giản xuất hiện và ứng dụng rộng rãi trong rất nhiều lĩnh vực khác nhau như: đồ họa, nhiếp ảnh, thời trang, nội thất,...

2.3. Chủ nghĩa tối giản trong lối sống (Minimalist Lifestyle)

Chủ nghĩa tối giản là chỉ sở hữu những gì làm tăng thêm giá trị và ý nghĩa cho cuộc sống của bạn (cũng như những người bạn quan tâm) và loại bỏ phần còn lại. Đó là việc loại bỏ sự lộn xộn, sử dụng thời gian và năng lượng cho những thứ thực sự quan trọng. Mỗi người chỉ có một nguồn năng lượng, thời gian và không gian nhất định. Vì vậy phải tận dụng tối đa nó, có chủ ý về cách chúng ta đang sống mỗi ngày.

Hiểu đơn giản, chủ nghĩa tối giản trong lối sống là một công cụ để loại bỏ bản thân khỏi sự thừa thãi của cuộc sống, tập trung vào những gì quan trọng để có thể tìm thấy hạnh phúc, viên mãn và tự do. Khi nhắc đến phong cách sống tối giản thì người ta đều sẽ nghĩ ngay đến đó là một trong những cách sống của người Nhật.

Sự đơn giản hoá trong lối sống sẽ giúp chúng ta bỏ bớt đi được phiền muộn, luôn hướng đến sự tích cực và cảm nhận mọi việc một cách lạc quan hơn.

2.4. Lợi ích của lối sống theo chủ nghĩa tối giản vô cùng to lớn. Nó giúp con người:

Có con mắt thẩm mỹ tinh tế hơn; không còn mất thời gian quan tâm tới miễn phí, đại hạ giá, hoặc “phòng hờ”; ngừng cho/tặng người khác những thứ họ không cần đến; hiểu rằng hạnh phúc là ở ngay trong cuộc sống thường nhật và tập trung vào những điều có ý nghĩa tích cực. Nhưng khi sống theo Chủ nghĩa tối giản, chúng ta sẽ bắt đầu suy nghĩ kỹ hơn về những tư duy, con người, và sự việc nào thực sự đem lại ý nghĩa tích cực cho cuộc sống của chính chúng ta. Có thể tối giản đi cuộc sống sẽ làm ta bớt “hoàn hảo” đi trong mắt một số người nhưng quan trọng hơn, nó khiến ta trở nên hạnh phúc hơn.

2.5. Cách để có một lối sống tối giản: Có nhiều cách để hình thành lối sống tối giản. Đó là bỏ bớt những đồ vật không sử dụng, sắp xếp hợp lý, để những đồ thường xuyên sử dụng tại nơi dễ lấy, chẳng hạn như: Lựa chọn nội thất tối giản và tiện ích, đồng nhất màu sắc của các vật dụng trong nhà, nếu đồ nhiều có thể sử dụng các kệ lớn rộng âm tường, phân loại, sắp xếp quần áo theo số lần sử dụng, tận dụng mọi ngóc ngách và tạo thói quen cất đồ gọn gàng. Đồng thời cần chi tiêu có kế hoạch. Trước khi chi tiêu cho một sản phẩm nào đó bạn hãy tự trả lời câu hỏi sau: Sử dụng trong bao lâu? Có sử dụng thường xuyên? Có nhiều công dụng

khác không? Hãy cân nhắc thật kĩ. Cuối cùng là duy trì như một thói quen - tạo cho mình những kế hoạch dọn dẹp nhà và làm mới không gian sống biến nó trở thành thói quen. Qua đó bạn sẽ cảm thấy sự thay đổi lớn trong cách sống của bạn. Một không gian sống lành mạnh và đơn giản hóa mọi thứ sẽ giúp bạn cảm thấy nhẹ nhàng và hạnh phúc hơn.

2.6. Những hiểu lầm thường gặp về chủ nghĩa tối giản: Cũng như mọi loại hình chủ nghĩa, học thuyết đi ngược lại với “cái chuẩn” của số đông khác, Chủ nghĩa tối giản đến cùng với rất nhiều câu hỏi, ngờ vực, chỉ trích, và lo sợ. Nỗi sợ phải thay đổi là rất thật, nhất là khi ta không có đầy đủ thông tin về Chủ nghĩa tối giản và khó đoán biết được lối sống mới này sẽ thay đổi cuộc sống của ta như thế nào trước khi bước vào trải nghiệm thực tế. Mọi người thường hiểu rằng: Chủ nghĩa tối giản chỉ dành cho những người giàu có, chỉ dành cho những người trẻ, chưa có gia đình, chỉ hợp với “Tây”; tối giản đồng nghĩa với nhàm chán, tối giản là lãng phí, “phải tội”, là keo kiệt, phá hoại niềm kinh tế và chủ nghĩa tối giản chỉ cần áp dụng một lần duy nhất trong đời. Sống theo Chủ nghĩa tối giản là cả một hành trình và có thể cuộc hành trình này sẽ không có hồi kết. Nhưng đó có lẽ đây lại là điểm thú vị nhất của phong cách sống này. Còn có gì vui hơn khi mỗi ngày chúng ta lại nhắc bản thân là mình còn nhiều điều cần học, rằng tri thức con người thật bao la, bát ngát, và rằng cuộc sống hiện tại của ta còn có thể tốt đẹp hơn nữa, mỗi ngày, và mỗi ngày...

2.7. Hạn chế và thách thức của chủ nghĩa tối giản

Phải giặt đồ thường xuyên, không còn liều “doping” mua sắm, khó để giải thích với những người khác lối sống, cuộc sống có thể vẫn bị đồ đạc chi phối, không biết sử dụng thời gian rảnh hiệu quả. Sau một thời gian áp dụng tư duy tối giản vào mọi mặt của cuộc sống, bạn sẽ bỗng chốc cảm thấy mình có thêm nhiều thời gian rảnh. Và điều này có thể sẽ rất “có vấn đề”. Ví dụ như trước đây buổi sáng cuống cuống nhảy ra nhảy vào nhà tắm, lặn ngụp trong đống quần áo chất như núi mà vẫn “không biết mặc cái gì”, rồi định trang điểm cũng không tìm đâu ra cây cọ chuẩn trong số hàng chục cây hồng mà không vớt... mất đứt một tiếng rưỡi đồng hồ. Bây giờ tất cả các công đoạn trên chỉ mất chừng 15-30 phút vì thời gian tắm rửa đã đi vào nếp, mặc quần gì áo gì chỉ liếc qua là biết, trang điểm cũng nhanh hơn, các bước thao tác nhanh gọn, tối giản. Vậy hơn một tiếng dôi dư ra nên làm gì? Đó chỉ là buổi sáng, nếu áp dụng tư duy tối giản vào công việc, tập trung cao độ để đạt hiệu quả cao nhất, bạn sẽ còn dôi dư ra thêm nhiều thời gian nữa. Đột xuất trở nên “nhàn” cũng sẽ khiến ta lúng túng. Từ đó dễ sa đà vào điện thoại, máy tính, mạng xã hội, chơi game online... dẫn đến tốn nhiều thời gian hơn và có thể càng ngày càng lười hơn nữa.

3. Kết luận: Sống theo chủ nghĩa tối giản hay không không quan trọng. Điều quan trọng là ta chọn cho mình một phong cách sống để phát triển bản thân cả về nhân cách và trí tuệ, để tìm được bản ngã của mình, để biết rằng mình đang *sống* chứ không chỉ đang *tồn tại*, và để ngày hôm nay sống tốt hơn ngày hôm qua.

Xin cảm ơn thầy cô và các bạn đã chú ý theo dõi bài thuyết trình! Em mong muốn nhận được những góp ý từ thầy cô và các bạn!

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để thuyết trình báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết ứng dụng CNTT vào quá trình học tập.
- b. Nội dung:** Sáng tác video trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.
- c. Sản phẩm:** Video giới thiệu; Biên bản làm việc nhóm.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm khoảng 7 HS.
 - GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:
 - + Chọn 01 đề tài tự nhiên hoặc xã hội.
 - + Viết báo cáo nghiên cứu vấn đề tự nhiên hoặc xã hội đã chọn.
 - + Sáng tác 01 video trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.
- Video đảm bảo yêu cầu sau:
- ++ Có tên trường, tên lớp, vấn đề trình bày, tên các thành viên.
 - ++ Trong quá trình giới thiệu phải có sự xuất hiện của 01 hoặc một vài thành viên trong nhóm.
 - + Chọn 01 video (trừ video của nhóm mình) xem và bổ sung thêm thông tin, cách hiểu về vấn đề hoặc đặt ra những câu hỏi, những vấn đề cần thảo luận.
 - Thời gian, sản phẩm và cách thức nộp.
 - + Thời gian: 01 tuần sau bài học.
 - + Sản phẩm: 01 video giới thiệu, một biên bản làm việc nhóm (ghi rõ họ tên và nhiệm vụ của từng thành viên), một bản đánh giá quá trình làm việc nhóm của các thành viên.
 - + Cách thức nộp: Gửi đăng trên padlet hoặc zalo nhóm lớp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV có thể trình chiếu một số video clip của HS vào đầu buổi học tiếp theo (có thể lấy điểm đánh giá quá trình). GV nhận xét, đánh giá về bài trình bày của HS theo **Phiếu đánh giá** và kết luận.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ				
Phần	Tiêu chí	Nội dung	Đạt	Chưa đạt
Nội dung bài	Cấu trúc	Bài trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.		
		Cấu trúc bài nói đứng, đủ theo yêu cầu bài		

trình bày báo cáo		trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.		
	Lập luận	Khẳng định được quan điểm của bản thân về vấn đề.		
		Hệ thống luận điểm được sắp xếp hợp lí, liên kết chặt chẽ.		
		Đưa ra được những lí lẽ logic, thuyết phục.		
		Có dẫn chứng xác thực, phù hợp, phân tích dẫn chứng đúng hướng.		
		Thể hiện quan điểm, cách nhận xét, đánh giá mới mẻ, thuyết phục về vấn đề nghiên cứu		
	Diễn đạt	Vốn từ phong phú.		
		Diễn đạt trong sáng, mạch lạc.		
		Sử dụng từ ngữ chuyển tiếp phù hợp để tạo sự liên kết chặt chẽ cho bài trình bày.		
		Bài báo cáo có điểm nhấn, có cách diễn đạt sáng tạo, độc đáo.		
Hình thức bài trình bày báo cáo	Phong cách trình bày	Sử dụng hiệu quả ngôn ngữ hình thể, biết giao tiếp bằng mắt với người nghe,...		
		Sử dụng ngữ điệu một cách phù hợp: nhấn mạnh, lên giọng, xuống giọng khi cần thiết.		
		Có phong thái tự tin, cuốn hút.		
		Có sự tương tác với người nghe, sẵn sàng tiếp thu các ý kiến phản hồi của người nghe.		
	Slide minh họa	Trình bày khoa học, logic hệ thống ý.		
		Sử dụng linh hoạt các hình ảnh, video clip,... minh họa, phù hợp với nội dung trình bày.		
		Font chữ, cỡ chữ dễ nhìn, dễ theo dõi.		
		Thiết kế phần trình chiếu minh họa sáng tạo, giàu tính thẩm mỹ.		
	Thời lượng	Đảm bảo thời lượng hợp lí: 5-6 phút, phân bổ thời lượng thuyết trình hợp lí.		

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, Mở rộng (CẢ BÀI 5)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia 4 nhóm thảo luận 4 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1 (trang 153 sgk Ngữ văn 12 Tập 1): Tổng hợp và đối chiếu các thông tin cơ bản về hai văn bản hài kịch đã được học trong bài theo các gợi ý sau: nhân vật, xung đột, tình huống, hành động, kết cấu, thủ pháp trào phúng, ngôn từ (có thể lập bảng).

Câu 2 (trang 153 sgk Ngữ văn 12 Tập 1): Thảo luận về đề tài: Theo bạn, điều gì làm nên sức sống của một vở hài kịch qua các thời đại khác nhau và trong các bối cảnh tiếp nhận khác nhau?

Câu 3 (trang 153 sgk Ngữ văn 12 Tập 1): Tìm đọc thêm một số vở hài kịch; nêu nhận xét khái quát về nét đặc sắc nghệ thuật của từng vở hài kịch đã đọc.

Câu 4 (trang 153 sgk Ngữ văn 12 Tập 1): Xác định một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội có tính tổng hợp, khái quát; thu thập tài liệu, lập đề cương và trao đổi kết quả chuẩn bị trong nhóm học tập.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.

- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Thông tin cơ bản về hai văn bản hài kịch đã học:

Yếu tố	Nhân vật quan trọng (Quan Thanh tra)	Giấu của (Quần)	Đối chiếu
Nhân vật	Khơ-lét-xta-cốp, thị trưởng, địa chủ,...	Ông bà Đại Cát, U Chinh,...	Vì là kịch nên cả hai tác phẩm đều có khối lượng nhân vật đồ sộ, đông đảo.
Xung đột	Xung đột giữa các tầng lớp giai cấp với nhau	Xung đột mẫu thuẫn trong gia đình: Mẫu thuẫn giữa những tham vọng, toan tính vật chất với những chuẩn mực và xu thế xã hội.	Câu chuyện trong “Nhân vật quan trọng” mang tính chất xã hội nhiều hơn còn câu chuyện “Giấu của” thiên về gia đình và tâm lý nội tâm.
Tình huống	Một viên quan nghèo đói, chẳng tài cán gì được mọi người nhận nhầm là quan thanh tra	Gia đình ông bà Đại Cát với những câu chuyện giấu của phòng thân.	Cả hai câu chuyện đều có sự phi lý, hoang đường nhất định.

	nên xun xoe, ninh nọt.		
--	------------------------	--	--

Câu 2. Theo em, tính nhân văn, tính hài hước và tính nghệ thuật chính là sức sống để làm nên những vở hài kịch qua từng thời đại. Mỗi một thời đại đều có những nỗi đau đớn khác nhau, từ niềm vui và sự hài hước có thể đưa ra được nỗi niềm đau khổ sâu bên trong.

Câu 3. Hướng dẫn HS đọc các trích đoạn sau: “Thực thi công lí” (Trích “*Người lái buôn thành Vơ-li-e*” của Sếch-xpia); “Loạn đến nơi rồi” (Trích “*Mùa hè ở biển*” của Xuân Trình)

Đặc sắc nghệ thuật

*** “Thực thi công lí”** (Trích “*Người lái buôn thành Vơ-li-e*” của Sếch-xpia)

- Tình huống kịch độc đáo: Poóc-xi-a cùng người hầu gái cải trang thành tiến sĩ luật đến phiên toà để cứu An-tô-ni-ô.
- Nhân vật hài kịch Sai-lốc với những lời thoại và hành động gây tiếng cười.
- + Các lời đối thoại mang nội dung đối nghịch để vừa tạo tiếng cười vừa thể hiện tính cách trái ngược nhau của nhân vật trong đoạn trích: Sai - lốc một thương gia mưu mẹo, tham lam; Poóc-xi-a: đầy bản lĩnh, tự tin, thông minh...
- + Cấu trúc đối thoại: Thăm dò - lảng tránh: Từ “Poóc-xi-a: Tên ông có phải là Sai-lốc không?” đến “Tôi khẳng khẳng một mực yêu cầu theo đúng văn khế”
- + Cấu trúc đối thoại: Thuyết phục - phản đối; Chấp thuận - tán thưởng: Từ “An-tô-ni-ô: Tôi khẩn cầu tòa tuyên án đi cho.” đến “Nào, anh, chuẩn bị đi.”
- + Cấu trúc đối thoại: Tấn công, luận tội - Xuống nước, đầu hàng: Từ “Poóc-xi-a: Khoan đã, chưa hết.” đến hết.

*** “Loạn đến nơi rồi”** (Trích “*Mùa hè ở biển*” của Xuân Trình)

- Nghệ thuật xây dựng tình huống: Ông Đoàn Xoa về thăm làng và nhận thấy có nhiều sự thay đổi tích cực. Ông phát hiện ra cả xã đã bí mật thực hiện khoán chui. Trước sự thật đó, ông không chấp nhận được và muốn báo lên trung ương.
- Nghệ thuật xây dựng nhân vật hài kịch
- Nhân vật Đoàn Xoa là người có lối suy nghĩ của người duy tâm, không nhìn nhận vào thực tế cuộc sống nên có cái nhìn hạn hẹp, đi trái với tự nhiên về việc vấn đề xã hội.
- Đó còn là người có lối tư duy duy ý chí, trái với quy luật phát triển tự nhiên, non kém về kiến thức, không nắm bắt khoa học kỹ thuật phát triển vì thế đã vô tình trở thành bước cản làm chậm tiến độ phát triển của xã hội.
- Chi tiết phát hiện việc bán cá chui ở bãi biển là cần thiết, không thể thiếu trong việc thể hiện tính cách của nhân vật Đoàn Xoa. Thể hiện sự cứng nhắc, lối suy nghĩ bảo thủ của ông Đoàn Xoa. Ông cho rằng người dân phải làm việc lý tưởng chứ không nên vì miếng ăn, phải xây dựng cho tổ quốc vì đất nước còn nghèo. Tầm nhìn hạn hẹp, lối thời, trái với quy luật tự nhiên của ông Xoa.

-> Nhân vật Đoàn Xoa: một người thương yêu đồng chí bạn bè, vợ con hết mực, một người cán bộ luôn muốn xây dựng đất nước phát triển xóa đói giảm nghèo nhưng lại coi trọng nguyên tắc, cứng nhắc, tư tưởng bảo thủ, lạc hậu, lỗi thời.

-> Nhân vật Đoàn Xoa trở thành đối tượng bị châm biếm.

- Sử dụng thành công ngôn ngữ đối thoại và chỉ dẫn sân khấu.

Câu 4.

- Lựa chọn vấn đề:

+ Vấn đề tự nhiên hoặc xã hội có tính tổng hợp, khái quát.

+ Vấn đề phù hợp với khả năng nghiên cứu của nhóm.

+ Vấn đề có tính thời sự, thu hút sự quan tâm.

- Thu thập tài liệu:

+ Lựa chọn nguồn tài liệu:

++ Sách, báo, tạp chí khoa học.

++ Website, kho dữ liệu uy tín.

++ Bài báo khoa học, luận văn, luận án.

+ Kỹ thuật thu thập tài liệu: Ghi chép tóm tắt nội dung chính; đánh dấu các thông tin quan trọng; trích dẫn nguồn tài liệu rõ ràng.

- Lập đề cương.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.

- **Chuẩn bị bài: Ôn tập cuối học kì I.**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....
.....

.